

NGUYỄN PHƯƠNG BẢO AN

KỂ CHUYỆN

GUƠNG DŨNG CẨM



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

KỂ CHUYỆN
GUƠNG DŨNG CẢM

NGUYỄN PHƯƠNG BẢO AN

(Biên soạn)

Kể chuyện
GƯƠNG ĐỒNG CẨM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LẤY CÁI CHẾT ĐỂ GIỮ CHỮ TÍN



Chân dung Ngũ Viên

... Sở Bình Vương giết cha và anh của Ngũ Viên (còn gọi là Ngũ Tử Tư)⁽¹⁾. Ngũ Viên cùng một viên thế tử nhỏ tuổi, chạy trốn khỏi nước Sở, mưu tính việc trả thù.

Ẩn nấp lang thang hết nơi này đến nơi khác, suốt đêm lo nghĩ, mặc dù đang tuổi thanh niên cường tráng mà Ngũ Viên đã

1. Ngũ Tử Tư là một vị tướng giỏi của nước Ngô thời Xuân thu - Chiến Quốc.

bạc trắng cả đầu. Có câu thơ rằng: "*Sớm chiều bạc tóc như chơi*", chính là do câu chuyện một đêm trắng tóc này của Ngũ Viên mà ra.

Một buổi chiều, Ngũ Viên cùng người đồng hành chạy được đến bên sông Đại Giang. Khúc sông vắng ngắt không một bóng thuyền. Ngoảnh lại phía sau, Ngũ Viên biết mình đang bị truy lùng, bọn sai nha gần như sắp sửa tới nơi. Không sang được bờ sông kia thuộc địa phận nước Ngô thì chỉ còn cách khoanh tay chịu trời.

Đang cơn hoảng hốt, may sao chàng thấy từ đầu dòng sông có một chiếc đò lướt đến. Người chèo đò là một ông lão đánh cá quê mùa. Chàng vội gọi:

- Ông lão đánh cá ơi! Cho chúng tôi sang ngang với.

Ông lão liếc nhìn hai người, lại nhìn ra xa xa, phía sau họ có đám bụi mù. Ông hiểu ngay sự tình. Quan quân đã tới sau lưng rồi. Ông lão không trả lời Ngũ Viên, cứ nhịp nhàng đưa mái chèo mà hát:

Kìa kìa bóng dâu

Đã xé ngang đầu

Đôi ta hẹn nhau

Trong bụi hoa lau.

Hát rồi, ông cứ cho thuyền lướt đi. Ngũ Viên nghe qua cũng hiểu ý, vội vàng dắt cậu bé chạy xuống một đoạn nữa, chui vào nắp trong một bụi lau.

Trên bờ, bọn lính đuổi đến nơi, nhìn quang cảnh vắng ngắt không ai qua lại, thì yên tâm, quay ngựa trở về. Hai thầy trò Ngũ Viên ngồi yên nín thở.

Trên mặt sông, ông lão chèo chậm lại. Trời đã về chiều. Lão không thấy hai người bị nạn ở đâu, lại hát:

*Mặt trời đã xế
Lòng ta âu lo
Mặt trăng đã mọc
Sao không sang đò.*

Nghे tiếng hát, Ngũ Viên yên tâm, chui ra khỏi bụi, vội vã lên thuyền. Ông lão chèo vun vút, thoát chốc đã sang tới bờ bên kia. Thấy mình được thoát nạn, Ngũ Viên mừng rỡ, liền cởi thanh gươm vàng đeo bên mình, cung kính đưa cho ông lão:

- May mắn được ngài cứu mạng. Xin dâng thanh gươm này gọi là chút lễ tạ ân. Gươm này là gươm báu, giá đáng nghìn vàng, xin lão trượng nhận cho.

Ông lão gạt đi, cười nhạt:

- Nhà ngươi làm cái trò gì thế? Ta không biết ngươi là ai, nhưng ta có nghe vua Sở treo giải bắt được một người tên là Ngũ Viên. Ai nộp được hẳn sẽ được nhiều vàng bạc và được làm quan to. Nếu ngươi là Ngũ Viên thật, ta muốn bắt thì tước lột ở trong tay ta rồi, ta cần gì đến thanh gươm ấy. Thôi, liệu mà đi đi. Ta không muốn biết ngươi là

ai cả. Nếu vạn nhất sau này có còn gặp nhau, thì người gọi ta là ông lão đánh cá, ta gọi người là người trong bụi lau. Thế là đủ rồi.

Ngũ Viên lay tạ cảm ơn, rồi rảo bước đi. Nhưng chàng lại cẩn thận quay lại nói với ông lão đánh cá:

- Xin cụ thương cho trót. Nếu về bên kia, có ai hỏi thăm chúng tôi, thì cụ cứ nói là không gặp.

Ông lão không trả lời, lẳng lặng quay đi, thở dài:

- Giúp người như vậy, mà người vẫn cứ hồ nghi. Nếu chốc nữa đây, có người bất ngờ đuổi kịp họ, họ rất có thể cho là mình đã chỉ đường cho kẻ truy lùng. Thôi thì ta thác đi để cho yên lòng họ!

Ông cụ chèo ra giữa lòng sông rồi lật úp thuyền, phó mặc đời tàn theo dòng nước chảy. Ngũ Viên nhìn theo, hối hận, ghen ngào, chấp tay vái vọng:

- Cảm tạ tấm lòng trượng nghĩa của cụ. Cụ đã chết vì chúng tôi.

Theo *Đông chu liệt quốc*

THÁNH GIÓNG

Vào thời Hùng Vương, có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình.

Một buổi sáng ngủ dậy, bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên:

- Ô! Bàn chân ai mà to thế này!

Bỗng bà cảm thấy rùng mình khi đưa bàn chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày đủ tháng, bà sinh được một cậu con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng.

Thời gian thấm thoắt trôi đi, cậu bé lên ba tuổi rồi mà vẫn không biết ngồi biết lật, cũng không biết nói, cười gì cả.

Ngày ấy, có giặc Ân kéo sang cướp nước ta. Bọn chúng rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi là Ân Vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng Vương lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp mọi nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm, sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! Con của mẹ chậm đi chậm nói thế thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây.

Tự nhiên, Gióng nhìn mẹ bật lên thành tiếng:

- Mẹ cho gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bật. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

- Ta cứ mời sứ giả đến xem sao!

Khi sứ giả bước vào, nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

- Cháu là đứa trẻ lên ba mới học nói, cháu định mời ta đến có việc gì?

Gióng trả lời rất chững chạc:

- Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Cho là thần giáng sinh, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe sứ giả bẩm báo mọi chuyện, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

Mọi thứ rèn xong, nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mót vào thanh gươm mà thanh gươm không hề nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng.



Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua không phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến ầm ầm ngoài bãi, biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được.

Mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu được nồi nào thì Gióng ăn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn

một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khỏe mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo, khoai, trâu, rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Gióng ăn với hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Gióng lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa đến may quần áo cho Gióng mặc. Nhưng thân thể Gióng lớn vượt một cách kỳ lạ, áo quần may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc đầu Gióng đã chạm nóc nhà, người cao to sừng sững, chân dài hơn trượng, hét lên một tiếng như sấm:

- Ta là tướng nhà trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên phun thẳng ra đằng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sải từng bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt ngựa đã xông lên đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc tiến ra chùng nào chết chùng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy

đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mù mịt, tiếng la hét kêu khóc như rì.

Nhưng tướng giặc Ân vẫn cố gào thét hô quân xông tới. Gióng càng đánh càng khỏe, thầy giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gương gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào các toán giặc đang cố gắng nhào tới theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi. Ân Vương bị quật ngã chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lay lắt xin hàng. Quân đội của Hùng Vương và dân làng chỉ cần xông ra trời nghiêng chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã đến chân núi Sóc Sơn. Đến đấy, Gióng bèn cởi giáp, bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở quê nhà, phong làm Phù Đổng Thiên Vương.

Ngày nay, chúng ta còn thấy dấu vết những dây ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim Anh, Đa Phúc, cho đến Sóc Sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang tên làng Cháy. Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre đằng ngà.

WILLIAM TELL

Ngày xưa, tại một ngôi làng nhỏ có tên gọi là Aldorf ở Thụy Sĩ, có một người tên là William Tell. William Tell bắn cung rất giỏi và có thể bắn một mũi tên chính xác hơn bất cứ ai trong làng.

Thời ấy, làng Aldorf do quận công Gesler cai trị. Quận công là một người rất độc ác. Ông ta đối xử bất công với dân làng, buộc người dân phải nộp

thuế rất nặng, trừng phạt bất cứ ai dám chống lại những luật lệ bất công do ông đặt ra.

Quận công Gesler căm ghét William Tell bởi vì William Tell là người dám đứng ra chống lại quận công. William Tell sống trên núi cùng đứa con trai nhỏ và rất mực



yêu thương con. Mỗi tuần, William Tell xuống chợ ở quảng trường mua đồ ăn. Trong một lần như thế, anh ngạc nhiên thấy giữa quảng trường có một cây gậy cắm ở đó, trên đầu gậy treo lủng lẳng một cái mũ. Ai đi ngang qua, cũng phải cúi chào cái mũ. Khi hỏi thăm, William Tell được biết rằng dân làng cư xử lạ lùng như thế bởi vì quận công đã ra lệnh phải làm thế.

William Tell không chịu tuân thủ mệnh lệnh kỳ quặc kia. Thế là anh băng qua quảng trường, đi ngang qua trước gậy, đầu vẫn ngẩng cao. Đứa con trai nhỏ đi qua cùng cha, nắm chặt bàn tay to của cha.

William Tell nhanh chóng bị bắt giữ và đưa ra tòa án của quận công. Quận công dọa sẽ bỏ tù William Tell suốt cả đời. William Tell vẫn đứng hiên ngang, nhìn thẳng vào quận công, nhất quyết không tuân lệnh. Quận công muốn William Tell phải sợ run lên nên đã bày ra một trò nhấn tâm:

- Người có thể tự do ra đi với một điều kiện, quận công nói, nếu người cắt một quả táo ra làm đôi bằng mũi tên của người ở khoảng xa hai trăm thước, thì ta sẽ thả tự do cho người.

Mắt William Tell sáng lên bởi vì anh tin tưởng mình sẽ làm được.

- Nhưng quả táo phải đặt trên đầu con trai người - con người tàn nhẫn cười và nói thêm.

Mặt William Tell đỏ lên giống quả táo mà anh phải bắn vào. Anh sợ! Đứa con bé bỏng ấy anh

yêu quý hơn cả mạng sống mình? Làm sao làm nổi? Thà ở trong tù suốt đời còn hơn.

- Cha làm được, cha ơi - Một giọng nói thánh thót trẻ con vang lên cắt đứt dòng suy nghĩ của anh - Con hứa con sẽ không thối.

Rồi cậu bé nắm lấy tay cha dẫn đến nơi phải bắn cung. Chính cậu bé tự bước ra thân cây.

William Tell miễn cưỡng căng cung tên. Mặc dù rất sợ, nhưng William Tell dũng cảm quyết định chứng tỏ với tên độc tài rằng lẽ phải nằm về phía mình. Đứa trẻ đứng yên như bức tượng. Rồi William Tell bắn. Mũi tên bay qua hai trăm thước. Im lặng như tờ vì mọi người nín thở, hy vọng William Tell sẽ chiến thắng, hy vọng cậu bé sẽ không bị thương. Cuối cùng quả táo chẻ ra làm đôi rất rõ ràng.

Đám đông vui mừng hò reo khi William Tell chạy đến ôm đứa con trai bé bỏng. Lúc William Tell quỳ xuống, một mũi tên thứ hai rút ra khỏi bao.

- Tại sao người lại có hai mũi tên? - Quận công giận dữ hỏi.

- Bởi vì nếu con trai ta chết bởi mũi tên thứ nhất, ta sẽ dành mũi thứ nhì xuyên thủng quả tim đen tối của người, William Tell dũng cảm tuyên bố rồi bỏ đi cùng con trai.

Theo *Truyện thuyết Thụy Sĩ*

TRÁI TIM ĐANKÔ

Thuở xưa, trên trái đất này, có một đám người sinh sống ở một khu vực nọ, xung quanh khu lều trại của họ ba bề là rừng rậm bao bọc, không thể len qua được, phía kia là thảo nguyên. Đó là những người vui vẻ khỏe mạnh và dũng cảm.

Nhưng rồi thời buổi khó khăn đã tới: Có những bộ lạc khác không hiểu từ đâu xuất hiện, xua đuổi những người vẫn ở đây từ trước vào tít trong rừng sâu. Ở đấy chỉ có đầm lầy và bóng tối vì rừng đã lâu đời lắm rồi, cành lá quăn quýt dày rậm đến nỗi không còn nhìn thấy bầu trời nữa, và tia sáng mặt trời phải khó khăn lắm mới lọt qua đám lá um tùm để soi rọi chút ít xuống đầm lầy. Nhưng khi những tia nắng chiếu xuống mặt nước đầm lầy thì mùi hôi thối bốc lên đến nỗi họ lẫn ra chết, hết người này đến người khác. Đàn bà trẻ con trong bộ lạc khóc lóc, còn các ông bố thì nghĩ ngợi và buồn rầu. Cần phải ra khỏi khu rừng này, và muốn vậy chỉ có hai con đường: Con đường thứ nhất là trở lại phía sau thì có những kẻ thù mạnh và hung dữ, con đường thứ hai là tiến lên phía trước thì ở đó là những cây khổng lồ, cành to

khỏe, ôm chặt lấy nhau, rễ ngoằn ngoèo đâm sâu xuống đất bùn dính chắc của đầm lầy. Những thân cây trơ trơ như đá ấy ban ngày đứng sừng sững, im lìm trong ánh sáng mờ mờ, xám xịt, và tối đến, khi đốt lửa lên thì cây cối càng dịch sát lại bao quanh đoàn người. Đêm cũng như ngày, xung quanh đoàn người bao giờ cũng có một vòng bóng tối vững chắc chỉ chực nghiêng bẹp họ, mà họ thì đã quen với thảo nguyên bao la. Khi gió đập các ngọn cây và cả khu rừng gào thét như hăm dọa và hát bài ca đưa đám họ thì cảnh tượng càng ghê rợn hơn.

Dù sao họ vẫn là những người dũng cảm, và họ có thể chơi nhau một mất một còn với những kẻ đã có lần đánh bại họ, nhưng họ không thể chết trong chiến đấu được, vì họ còn có những lời di chúc, nếu họ chết thì những lời di chúc sẽ mất theo. Bởi vậy, họ cứ ngồi đấy và suy nghĩ bao đêm ròng, giữa tiếng cây rừng xào xạc, trong hơi thổi độc địa của đầm lầy. Họ ngồi đấy và ánh lửa tạo nên những bóng đen chập chờn nhảy nhót xung quanh họ trong một điệu vũ thâm lặng, mọi người đều có cảm giác như đấy không phải là những bóng đen nhảy múa, mà là ma quỷ của rừng và đầm lầy đang hân hoan đắc thắng... Họ vẫn ngồi đấy và nghĩ ngợi. Nhưng không có cái gì, cả đến công việc nặng nhọc nhất lại làm suy mòn thể xác và tâm hồn người ta bằng những ý nghĩ buồn rầu. Người ta suy yếu đi vì lo nghĩ... Nỗi khiếp sợ nảy

nở trong bọn họ, làm tê liệt những cánh tay rắn chắc của họ, đàn bà khóc lóc trước tử thi những người chết vì uế khí và khóc than cho số phận những người còn sống nhưng đã mất chí khí vì hoảng sợ, tiếng khóc của họ làm cho đoàn người hoang mang thêm.

Trong rừng, người ta bắt đầu nghe thấy những câu nói hèn nhát, lúc đầu còn rụt rè, thì thâm, rồi càng về sau càng lớn tiếng hơn... Họ đã định đến nộp mình cho quân thù và dâng tự do của mình cho chúng. Vì kinh hoàng trước cái chết, không ai còn sợ sống cuộc đời nô lệ nữa... Nhưng đúng lúc đó, Dankô xuất hiện và một mình anh, anh cứu thoát cả đoàn người...

Dankô là một người trong bọn họ, một chàng trai trẻ đẹp. Những người đẹp bao giờ cũng can đảm. Và anh nói với các bạn anh như thế này:

- Nghĩ ngợi không thể hất bỏ được tảng đá trên con đường ta đi. Kể nào không mó tay vào việc thì chẳng làm nên công chuyện gì. Cứ lo nghĩ làm chi cho hao tâm tổn sức ? Hãy đứng lên, chúng ta sẽ đi sâu vào rừng và xuyên qua rừng, bởi vì rừng cũng có chỗ kết thúc, mọi cái trên đời đều có chỗ kết thúc! Ta đi đi! Nào! Tiến bước!...

Họ nhìn anh và thấy anh hơn hẳn tất cả bọn họ, vì trong mắt anh ngời lên bao nhiêu sức mạnh và nhiệt tình sôi nổi.

- Anh dẫn chúng tôi đi! - Họ bảo anh.

Thế là anh dẫn họ đi ...

Dankô dẫn họ đi. Mọi người nhất loạt đi theo anh. Họ tin anh. Đường đi thật khó khăn! Rừng tối om, cứ bước một bước, đâm lầy lại há cái mồm tham lam hô thôi ra nuốt mất người, và cây cối sừng sững chặn đường như một bức thành kiên cố. Cành cây quăn quýt lấy nhau ; rễ bò lan khắp nơi như đàn rắn, và cứ mỗi bước đi, họ lại tốn bao nhiêu mồ hôi và máu. Họ đi lâu lắm... Rừng mỗi lúc một dày rậm, sức lực mỗi lúc một suy kiệt! Họ bắt đầu oán trách Dankô, trách anh trẻ người non dạ, đưa họ đi vào chỗ vu vơ. Nhưng anh vẫn dẫn đầu đoàn người, hăng hái và tươi tỉnh.

Rồi một hôm, dông bão gầm thét trên rừng, cây cối ào ào ghê rợn. Trong rừng bỗng tối mù tối mịt, tưởng chừng như bao nhiêu đêm tối trên đời kể từ khi có rừng đến nay đều tụ cả lại. Những con người nhỏ bé đi giữa những cây lớn, trong tiếng sấm đáng sợ. Họ đi, còn những cây khổng lồ lắc lư, nghiêng ken kết và gào lên bài ca thịnh nộ. Tia chớp bay trên các ngọn cây, ánh lửa xanh lạnh lẽo rọi sáng mọi vật trong khoảng khắc và biến mất cũng nhanh như khi xuất hiện, làm mọi người kinh sợ. Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống, dang rộng những cánh tay dài ngoằn ngoèo, đan thành một mạng lưới dày xung quanh đoàn người, cố ngăn chặn họ. Từ trong đám cành tối tăm, có cái gì đáng sợ, hắc ám, lạnh lẽo nhìn đám người đang đi. Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, mất tinh thần. Nhưng họ xấu hổ,

không dám thú nhận sự yếu hèn của mình, vì thế họ trút căm hờn và giận dữ vào Đankô, con người dẫn đầu họ. Họ trách anh không biết dẫn dắt họ, thế đấy!

Họ dừng lại và giữa tiếng gầm gào đặc thảng của rừng, trong bóng tối run rẩy, những con người mệt mỏi và dữ tợn ấy bắt đầu kết tội Đankô.

- Mi là kẻ hèn mọn đã làm hại chúng ta, - họ bảo anh - Mi dẫn chúng ta đi và làm chúng ta kiệt lực, vì vậy mi phải chết!

- Các người bảo: "Dẫn chúng ta đi!" và tôi dẫn các người đi! - Đankô hét lên, hiên ngang đứng trước mặt họ. - Tôi có gan dẫn đường và tôi dẫn các người đi! Còn các người, các người đã làm gì để tự giúp mình ? Các người chỉ cắm cổ đi mà không biết giữ sức để đi được lâu dài hơn! Các người chỉ mãi miết đi như đàn cừu!

Nhưng những lời đó làm họ càng điên tiết hơn.

- Mi phải chết! Mi phải chết! - Họ gầm lên.

Rừng cũng gầm lên, gầm mãi lên, hòa với tiếng hét của họ, và ánh chớp xé toang bóng tối thành từng mảnh. Đankô nhìn đám người mà anh đã ra công khó nhọc vì họ và thấy rằng họ là những con thú. Nhiều người xúm quanh anh, nhưng trên mặt họ không có chút gì là cao thượng và không thể mong họ tha thứ cho anh. Thế là trong tim anh cũng bùng lên niềm phẫn nộ sục sôi, nhưng lòng thương người đã dập tắt ngọn lửa uất hận ấy. Anh yêu họ và nghĩ rằng không có anh, có lẽ họ chết

mất. Trong tim anh bùng lên ngọn lửa nhiệt thành thiết tha muốn cứu thoát họ, đưa họ lên đường dễ dàng, và những tia lửa của niềm mong muốn mãnh liệt ấy lóe lên trong mắt anh...

Còn họ thấy thế, lại tưởng anh nổi khùng nên mắt mới sáng quắc như vậy, họ liền giữ miếng như những con chó sói, chờ xem anh đánh lại họ, họ tiến sát đến, vây chặt lấy anh để dễ bề bắt và giết anh. Anh đã hiểu ý nghĩ của họ, do đó ngọn lửa trong trái tim anh càng cháy rực hơn nữa, vì ý nghĩ của họ làm anh buồn rầu.

... Rừng vẫn hát bài ca thê lương, sấm chớp ùng ùng như trút nước.

- Ta sẽ làm gì cho mọi người đây? - Đankô gào to hơn sấm. Bỗng nhiên anh đưa hai tay lên xé toang lồng ngực, rút trái tim ra và giơ cao trên đầu.

Trái tim cháy sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người.

Trước ánh sáng của trái tim Đankô, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mồm hôi thối của đám lầy nơi rừng sâu núi thẳm. Đoàn người sống sót, đứng trơ như phỗng.

- Đi thôi! - Đankô hét lớn và xông lên phía trước, về chỗ của mình, tay giơ cao trái tim cháy rực, soi đường cho mọi người.

Họ xông lên theo anh, mê man như bị chài. Rừng lại bắt đầu ồn ào, ngạc nhiên lắng lư các ngọn

cây, nhưng tiếng ồn ào của rừng bị tiếng chân người rầm rập át đi. Họ chạy nhanh và mạnh bạo, cảnh tượng kì diệu cạnh trái tim đang cháy lòi cuốn họ. Bây giờ vẫn có người chết, nhưng họ chết không than vãn và khóc lóc. Còn Đankô vẫn luôn luôn đi ở phía trước và trái tim anh vẫn cháy bùng bùng, sáng rực.

Bỗng nhiên, rừng giãn ra nhường lối cho anh, giãn ra và lùi lại ở phía sau, dày đặc và câm lặng, còn Đankô và tất cả đám người ấy lập tức chìm vào cái biển ánh sáng mặt trời và không khí trong lành được nước mưa gột sạch. Giông bão ở đằng kia, sau lưng họ, trên khu rừng, còn ở đây là mặt trời rực rỡ, thảo nguyên thỏ đều đều, cỏ ngời sáng vì những giọt mưa chói lọi như kim cương, là sông lấp lánh ánh vàng... Trời đã về chiều và dưới ánh hoàng hôn, sông đỏ như dòng máu nóng hồi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đankô.

Chàng Đankô can trường và kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn khoảng đất tự do và bật lên tiếng cười tự hào. Rồi anh gục xuống chết.

Đoàn người vui sướng và tràn đầy hi vọng không nhận thấy Đankô đã chết và không thấy trái tim can đảm của anh vẫn cháy bùng bùng cạnh xác anh. Chỉ có một người vốn tính cẩn thận nhận thấy điều đó và sợ xảy ra chuyện gì không hay liền giẫm chân lên trái tim kiêu hãnh ấy. Trái tim tóe ra một loạt tia sáng, rồi tắt lịm...

... Khi bà lão đã kể xong câu chuyện cổ tích đẹp nhất của mình, thảo nguyên bỗng yên tĩnh lạ thường, như kinh ngạc về sức mạnh của chàng Đankô dũng cảm đã đốt cháy trái tim mình soi đường cho mọi người và chết mà không đòi hỏi gì cả...

Macxim Gorki

Trích *Bà lão Idecghin*

QUAN VŨ ĐÁNH CỜ QUÊN ĐAU^(*)

... Quan Bình cứu được Quan Công đem về trại, rút mũi tên ra. Đầu mũi tên có thuốc độc, đã ngấm vào xương, cánh tay phải sưng lên, xám ngắt, không cử động được.

Quan Bình vội vàng bàn với các tướng rằng:

- Phụ thân tôi đã bị hỏng cánh tay thì đánh giặc sao được? Thôi ta hãy tạm lui về Kinh Châu điều trị đã.

Nói rồi, Quan Bình cùng các tướng kéo nhau vào ra mắt Quan Công.

Quan Công hỏi:

- Các người vào đây có việc gì?

^(*) BS. đặt lại tên.

Quan Vũ (162?-220), còn được gọi là Quan Công, tự Vân Trường, Trường Sinh. Là một vị tướng tài thời Tam Quốc (Trung Quốc). Ông là người có công lao lớn trong việc thành lập nhà Thục Hán, với vị vua đầu tiên là Lưu Bị.

Quan Vân Trường là anh em kết nghĩa vườn đào với Lưu Bị và Trương Phi.

Từ lâu, dân gian đã coi ông như là biểu tượng của tính hào hiệp, trượng nghĩa và dũng cảm.

Các tướng vòng tay, cung kính thưa:

- Dạ! Chúng tôi thấy cánh tay ngài bị thương, e rằng khi lâm trận sẽ không tiện, nên bàn nhau rút quân về Kinh Châu, chữa cho khỏi rồi sẽ tính sau.

Quan Công nổi giận mắg:

- Ta chỉ nay mai là lấy được Phàn Thành, lấy xong Phàn Thành, thì kéo ủa vào ngay Hứa Đô, giết chết Tào Tháo, để yên nhà Hán. Có đâu vì một vết thương nhỏ, mà bỏ mất việc lớn, sao các người lại dám làm nhụt chí của binh lính.

Quan Bình và các tướng đành nín lặng đi ra.

Các tướng thấy Quan Công không chịu rút quân về, vết thương thì mãi không khỏi, bèn sai người đi khắp nơi tìm danh sư về chữa.

Bỗng một hôm, có người từ Giang Đông bơi một chiếc thuyền nhỏ đến thẳng trước trại. Lính canh đưa vào ra mắt Quan Bình. Bình thấy người ấy đội khăn vuông, mặc áo rộng, tay xách một cái túi xanh, tự xưng là người ở Tiêu Quận, họ Hoa tên Đà, tự là Nguyên Hóa. Nhân thấy Quan tướng quân là anh hùng thiên hạ, nay trúng phải tên thuốc độc, cho nên xin lại chữa thuốc.

Quan Bình mừng lắm, lập tức cùng các tướng dẫn Hoa Đà vào ra mắt Quan Công.

Bấy giờ Quan Công đau cánh tay nặng lắm, nhưng sợ bụng quân xô xao phải cố gượng ngồi đánh cờ với Mã Lương để tiêu khiển. Thấy có thầy thuốc đến, Quan Công liền cho mời vào. Hoa Đà

ra mắt, lạy xong, mời ngồi chơi uống nước. Đà xin coi bệnh. Quan Công cởi áo gior tay cho Đà xem.



Hoa Đà nói:

- Đây là mũi tên có thuốc độc bằng vị ô đầu, đã thấm vào xương rồi, nếu không chữa cho nhanh, thì cánh tay này hỏng mất.

Quan Công nói:

- Dùng cách gì chữa được?

Đà nói:

- Tôi đã có phép chữa, nhưng chỉ ngại ngại sợ mà thôi.

Quan Công cười, nói rằng:

- Ta coi cái chết như bốn, có việc gì mà sợ?

Đà nói:

- Phải tìm một chỗ yên tĩnh, chôn một cái cột, trên cột đóng một cái vòng sắt, rồi ngài xâu cánh tay vào cái vòng ấy, lấy dây buộc chặt lại rồi đem chần trùn kín đầu đi, để tôi dùng dao nhọn rạch chỗ thịt ấy tới xương, cạo sạch chất độc, rịt thuốc vào và khâu lại; có thể mới chữa được khỏi ngay, nhưng chỉ ngại ngại sợ hãi thôi.

Quan Công cười, nói rằng:

- Tưởng thế nào? Chớ dễ như thế, thì can gì phải dùng đến cột với vòng sắt!

Bèn sai mang rượu ra thết đãi Hoa Đà. Hoa Đà uống xong vài chén, Quan Công vẫn cứ việc đánh cờ với Mã Lương và giờ cánh tay ra cho Hoa Đà rạch.

Hoa Đà tay cầm một con dao con, sai một tiểu đồng bưng chậu hứng máu.

Hoa Đà nói:

- Tôi hạ thủ đây, xin quan hầu chớ ngại.

- Tha hồ cho thầy chữa, ta không như kẻ tầm thường sợ đau đâu!

Hoa Đà cầm dao rạch thịt vào đến tận xương, thì thấy trên chỗ xương đã xanh cả ra. Đà cạo trên xương, tiếng kêu ken két, xung quanh ai trông thấy cũng lè lưỡi sờn gai. Quan Công thì cứ uống rượu đánh cờ, cười nói như không, tựa hồ không đau đớn chút nào.

Một lát, huyết chảy ra đầy một chậu. Hoa Đà cạo hết chất độc, rịt thuốc vào, lấy chỉ khâu lại. Quan Công cười to một tiếng, đứng dậy bảo với các tướng rằng:

- Cánh tay này co duỗi như thường rồi, không thấy đau nữa, tiên sinh quả thật là thần y!

Hoa Đà nói:

- Tôi đi chữa thuốc một đời người, chưa thấy ai gan như thế, quan hầu quả thật là người nhà trời.

Người sau có thơ khen rằng:

Khoa trong cũng phải có khoa ngoài,

Thuốc giỏi trên đời dễ mấy ai?

Quan tướng người thần duy có một.

Hoa Đà thuốc thánh cũng không hai.

Quan Công khỏi đau, mở tiệc yến khoản đãi Hoa Đà. Hoa Đà dặn rằng:

- Cái nhọt tên của ngài, tuy rằng khỏi, nhưng còn phải giữ gìn, chớ có quá tức giận mà vỡ vết thương ấy thì khốn. Ngoài trăm ngày mới bình phục được như cũ.

Quan Công tạ Hoa Đà một trăm lạng vàng. Hoa Đà không chịu nhận, nói rằng:

- Tôi nghe ngài là người cao nghĩa, cho nên đến chữa giúp đó thôi, chứ có mong gì ngài báo ơn đâu!

Nói rồi nhất định không chịu nhận một ly nào, còn để lại một phong thuốc để rịt vào vết thương, rồi từ biệt ra đi.

Trích *Tam quốc diễn nghĩa*.

Tác giả: *La Quán Trung*, dịch giả: *Phan Kế Bính*

"TÔI CHỈ MUỐN GIÀNH LẠI GIANG SƠN"

Ngày nay, hầu như người dân Việt Nam nào cũng biết đến Bà Triệu và rất nhiều người thuộc lòng câu ca sau:

Tùng Sơn nắng quỳên mây trời

Dấu chân Bà Triệu rặng ngời sử xanh.

Tên thật của bà là Triệu Thị Trinh, theo dã sử, bà sinh ngày mùng 2 tháng 10 năm Bính Ngọ (225). Bà là em Triệu Quốc Đạt, người đất Quan Yên, quận Cửu Chân (nay thuộc Thanh Hóa).

Triệu Thị Trinh sinh ra trong cảnh đất nước bị thống trị dưới ách giặc Ngô. Chúng đàn áp dân lành, cướp bóc vơ vét mọi sản vật của nước ta. Ai ai cũng oán giận, ở trong hoàn cảnh đó, bà sớm có lòng yêu nước và căm thù giặc.

Ngay từ nhỏ, Triệu Thị Trinh đã tỏ ra có chí khí hơn người. Khi cha hỏi về chí hướng mai sau, bà rần rỏi thưa:

- Lớn lên con sẽ đi đánh giặc như bà Trưng Trắc, Trưng Nhị.

Cha bà là người hào sảng, nghe vậy yêu mến bà lắm, bèn cùng cho bà học võ nghệ binh thư với anh trai. Bà tỏ rõ là người thông minh, lại chăm chỉ luyện tập nên cách bài binh bố trận, sử dụng cung kiếm đều hơn người khác.

Các tài liệu cũ khi viết về bà đều chép rằng: Vú bà dài ba thước, có thể đã phóng tác hoặc nhấn mạnh vào vẻ đẹp nữ tính theo quan niệm thời ấy, nhưng chắc chắn bà có một vẻ đẹp phóng khoáng mạnh khỏe cùng với tính cách ngang tàng và đầy khí phách.



Triệu Thị Trinh thường cùng anh đi khắp vùng, vừa để chiêu mộ hiền tài, nghĩa sĩ, vừa để xem xét địa hình, mưu việc lớn sau này. Thấy bà

giao du rộng, Triệu Quốc Đạt cũng có ý khuyên em lập gia thất, nhưng bà khẳng khái trả lời:

- Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta.

Lúc này, nỗi khổ nhục của dân ta dưới ách cai trị của quan lại phương Bắc đã đến mức cùng cực. Sưu cao thuế nặng, lại thêm phu phen tạp dịch, người người phiêu tán, không nhà không cửa, tha hương cầu thực khắp nơi.

Mỗi khi có ai đến trang trại của mình, hai anh em Triệu Quốc Đạt đều tiếp đãi ân cần, vì thế chỉ trong thời gian ngắn, đã có một lực lượng khá lớn tập hợp dưới trướng hai anh em. Nhưng thật không may, giữa lúc quân ta khí thế đang lên, lực lượng đang mạnh thì Triệu Quốc Đạt đột ngột qua đời. Thấy Triệu Thị Trinh có tài đảm lược, tinh thông các môn võ nghệ, nên nghĩa binh đồng lòng tôn bà lên làm chủ tướng, thay Triệu Quốc Đạt. Bà tiếp tục mộ quân, rèn vũ khí, tích trữ lương thực, luyện tập quân sĩ, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

Thôn Cẩm Trường, xã Định Công đến nay vẫn còn lưu lại truyền thuyết về "voi một ngà" và "Đá biết nói". Tương truyền, vùng này có một con voi trắng một ngà rất dữ tợn hay về phá hoại mùa màng, mọi người đều sợ. Để trừ hại cho dân, Bà Triệu cùng chúng bạn đi bắt voi, lừa được voi

xuống đầm lầy, bà dũng cảm nhảy lên cưỡi đầu voi, cuối cùng khuất phục được chú voi dữ, sau này chú voi trắng trở thành người bạn chiến đấu trung thành của bà Triệu. Vì thế mới có câu ca dao được lưu truyền tới ngày nay:

Con ơi, con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi

Những ngày đầu tụ nghĩa, nghĩa quân của bà Triệu đã đục núi Quân Yên, bí mật cho người ngồi trong hốc đá, đọc bài đồng dao:

Có bà Triệu tướng

Vâng lệnh trời ta

Trị voi một ngà

Dựng cờ mở nước

Lệnh truyền sau trước

Theo gót Bà Vương

Nhờ đó mà cả vùng đồn ầm lên rằng núi Quân Yên biết nói, báo hiệu cho dân chúng biết rằng Bà Triệu là thiên tướng giáng trần, giúp dân cứu nước. Vì thế họ theo nhau kéo đến càng đông.

Khi binh lực đã lớn mạnh, Bà Triệu đem quân tiến đánh các quận huyện của bọn quan lại nhà Ngô. Khi ra trận, bà thường mặc áo giáp đồng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, nên đời sau vẫn gọi bà là Nhụy Kiều tướng quân (Vị nữ tướng yêu kiều) hoặc Lệ Hải bà vương (Vua bà vùng biển Mỹ Lệ).

Có nhiều câu chuyện cảm động về tình cảm của người dân đối với cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu. Từ ông già mù mang tiếng đàn, tiếng hát

đi khắp nơi kể tội ác của giặc và cổ vũ dân chúng đứng dậy cứu nước. Đến bà cụ hàng nước tha thiết xin cho con gái yêu được gia nhập nghĩa quân, còn mình thì cũng góp một chõng chuối với chum nước chè xanh cho nghĩa binh đang trải quân qua giải khát. Lại có câu chuyện đền Cô Thị ở xã Hà Ngọc (Hà Trung). Chuyện kể rằng, có một cô gái rất thích quả thị. Cô có người yêu và chàng trai này đã từ biệt cô để lên đường đánh giặc. Một phần vì thương nhớ người yêu, một phần vì không chịu nổi cảnh khổ cực khi đất nước gặp cảnh binh đao, cô gái chết, biến thành cây thị. Cây thị này chỉ có một quả, tỏa hương ngào ngạt, nhưng lạ một nỗi là không ai hái được, hễ cứ với tay lên hái là cành thị lại vút lên. Cành cây ấy đời đời ngả về phía đông nam theo hướng người yêu cô đang ở trong dinh Bà Triệu. Một ngày, chàng trai được về phép thăm nhà, cành thị tự nhiên sà xuống và quả thị rơi vào ống tay áo chàng...

Tất cả những câu chuyện ấy nói lên một điều rằng: Quân và dân đều một lòng theo Bà Triệu đánh giặc.

Chính vì quân và dân đều đồng lòng như thế, nên quân ta thế mạnh như chẻ tre, đánh tới đâu quân giặc tan tới đó. Quân Ngô sợ Bà Triệu, thường bảo nhau:

Hoành qua đương hổ dữ

Đối diện Bà Vương nan

Nghĩa là:

*Múa ngang ngọn giáo dễ chống hùm
Đôi diện Vua Bà thật khó.*

Trong dân chúng thì có câu hát sau:

*Bà nữ tướng xinh đẹp
Tiếng tăm chấn động phong trần
Làm bạt vía quân Ngô
Sắc đẹp làm xúc động lòng người.*

*

* *

Đứng trước nguy cơ tan rã của chính quyền đô hộ ở Giao Châu, triều Ngô phải cử Lục Dận (cháu họ của viên danh tướng Lục Tốn) làm Thứ sử Giao Châu, đưa quân sang tiếp viện. Lục Dận là người mưu mô xảo quyệt, y vừa dùng binh lực, vừa dùng của cải lung lạc, mua chuộc một số thủ lĩnh địa phương. Hắn lại cho một vài tên lính nhanh nhẹn, nhân lúc đêm tối lẻn ra ngoài thành dò la tin tức đối phương. Hắn biết được rằng Bà Triệu có tài chỉ huy, sức địch muôn người, đặc biệt bà là người yêu cái trong sạch, ghét cái nhơ bẩn. Biết được điều ấy, đến ngày giáp trận, Lục Dận lệnh cho quân lính, một tay cầm vũ khí, một tay cầm ống tre đựng phân và nước tiểu. Quần áo, mũ mấn tất cả lột ra để lại trong doanh trại, rồi cứ thế tổng ngồng xông ra. Trước hành động bỉ ổi ấy, nghĩa quân bối rối và ngạc nhiên lắm, song vẫn xông vào giáp chiến. Giặc Ngô vừa hò reo vừa

vung những ống tre lên, lập tức một mùi hôi thối bốc lên, ai nấy đều lấy tay bịt mũi, nhìn chủ tướng cũng thấy bà bịt mũi như mọi người và quay mặt đi hướng khác. Nhân cơ hội ấy quân Ngô vừa vung những ống tre vừa giương vũ khí xông vào. Không chịu nổi cảnh bản thủ bày ra trước mắt, Bà Triệu giao binh lại cho ba tướng quân nhà họ Lý, rồi lên núi Tùng tự vẫn. Lúc đó bà vừa tròn hai mươi ba tuổi.

Trên núi Tùng hiện nay vẫn còn mộ của bà, dưới chân núi là đền thờ chính, mỗi năm vào ngày hăm mốt tháng hai âm lịch (tương truyền là ngày mất của bà) vẫn tập nập người đến dâng hương tưởng nhớ người anh hùng dân tộc, quyết nối theo chí của Hai Bà Trưng ngày xưa, đánh đuổi quân xâm lược, giành lại độc lập cho dân tộc.

DƯƠNG HƯƠNG ĐÁNH CỌP CỨU CHA

Thời nhà Tấn, ở một làng nhỏ, có cậu bé tên là Dương Hương. Cậu bé mới mười bốn tuổi nhưng đã nức tiếng là người dũng cảm, không nề hiểm nguy, cứu cha thoát khỏi nanh vuốt cọp dữ. Câu chuyện như sau:

Một hôm, cha của Dương Hương đi thăm ruộng. Ông dặn Dương Hương:

- Dương Hương, con ở nhà học bài xong thì giúp mẹ nấu cơm nhé. Cha đi đến trưa cha về.

Dương Hương chạy vội theo cha, phụng phịu:

- Cha, cho con theo với. Bài thầy giao con đã đọc thuộc rồi.

Người cha vốn chiều con, thấy thế thì mỉm cười, ra chiều đồng ý.

Hai cha con cùng đi. Cậu bé Dương Hương nhảy chân sáo, miệng lú lo chuyện trò. Cậu kể cho cha nghe những trò nghịch ngợm của bọn trẻ trong lớp. Người cha cười chảy cả nước mắt.

Nơi Dương Hương sống là vùng bán sơn địa, vì thế muốn đến ruộng, hai cha con phải đi ngang qua một khu rừng nhỏ.

Vừa rẽ vào đường mòn, bất ngờ có tiếng gầm vang, một con hổ dữ nhảy xổ vào người cha, định

quắp mang đi. Dương Hương thấy thế, không kịp suy nghĩ gì, cứ thế tay không xông vào đám túi bụi con cạp. Rồi cậu cuỗi hẫng lên lưng cạp, lấy tay bịt mắt cạp, dùng răng cắn vào tai, vào lưng cạp. Con cạp đau quá đành phải bỏ miếng mồi chạy. Hai cha con Dương Hương thoát chết, ôm nhau quay trở về nhà luôn, không ra ruộng nữa.

Dân làng biết chuyện, kéo đến nhà Dương Hương, mừng cho hai cha con cậu. Ai cũng hết lời khen ngợi cậu bé hiếu thảo và dũng cảm.

Đời sau có thơ khen Dương Hương rằng:

Tấn Dương Hương vừa mười bốn tuổi

Cha bước ra hàng ruộng theo cha

Một khi thăm lúa đồng xa

Chút thân tuổi tác sắp sa miệng hùm

Đau con mắt dùng dùng nổi giận

Nắm tay không lâm trận giữa đường

Hai tay trần dọc đê ngang

Ra tay chống với hổ lang một mình

Hùm dữ phải nhẹ nanh bỏ chạy

Hai cha con họp lại trở về

Cho hay hiếu mạnh hơn uy

Biết cha thôi chẳng kể chi tới mình.

MẸ TRUNG CON HIẾU

Vương Lăng, người đất Bái, là người hào trưởng trong huyện.

Hán Cao Tổ Lưu Bang⁽¹⁾, lúc còn hàn vi, quý Vương Lăng như anh. Khi Cao Tổ khởi binh dẹp loạn, Vương Lăng có vài nghìn quân, đem đi theo Cao Tổ.

Hạng Vũ⁽²⁾ thấy thế, bắt mẹ Vương Lăng giam ở trong quận. Vương Lăng rất lo lắng và thương mẹ, bèn sai sứ giả đến để thương lượng, tìm cách chuộc mẹ về. Khi thấy sứ giả của Vương Lăng đến, Hạng Vũ bắt mẹ Vương Lăng phải dụ Vương Lăng về với mình.

Bà mẹ Lăng, tiễn sứ giả ra một mình, khóc mà bảo rằng:

1. *Hán Cao Tổ*: Tên húy là Lưu Bang, người làng Trọng Dương, ấp Phong, quận Bái. Ông là vị hoàng đế sáng lập lên nhà Hán. Ông sinh khoảng từ năm 256-247 TCN, mất năm 195 TCN.

2. Hạng Vũ (232 TCN - 202 TCN), có tên húy là Hạng Tịch, người đất Hạ Tương. Hạng Vũ là một nhà chính trị, một vị tướng nổi tiếng, ông có công lớn trong việc lật đổ nhà Tần.

- Người nên vì thân già này nhấn bảo hộ Lăng một câu: *Cứ hết lòng mà thờ Hán Vương, chớ vì mẹ già đây mà sinh hai lòng nhé.*

Nói đoạn, bà cầm gương tự vẫn, cốt để khuyến khích Vương Lăng không vì mẹ mà phản bội Hán Cao Tổ.

BÀ HUYỆN CAN ĐẢM

Đời nhà Đường, giặc Lý Hy Liệt đã đánh được Châu Biện, kéo đến đánh huyện Hạng Thành. Quan huyện Hạng Thành là Lý Khản muốn chạy trốn. Vợ quan huyện là người họ Dương nói:

- Giặc đến cướp thành thì phải hết sức giữ thành, giữ mà không được thì phải liều chết với thành, nay ông lại chực chạy trốn, là nghĩa làm sao?

Quan huyện ấp úng nói:

- Nhưng bây giờ tình thế rất khó khăn. Theo ý phu nhân, tôi phải làm gì bây giờ.

Bà huyện đáp:

- Bây giờ, ông cứ mộ quân cho nhiều, khao thưởng cho to, tôi nghĩ có thể giữ được thành.

Nói rồi, chính bà huyện hội họp binh sĩ và dân trong huyện lại, nói:

- Quan huyện là chủ các người thật, song chẳng qua chỉ ở đây độ năm, ba năm, rồi cũng đi nơi khác, không bằng các người sinh trưởng ở đất này, gây dựng cơ nghiệp ở đất này, mồ mả ông cha cũng ở đất này. Vậy, sống, chết các người cũng phải hết sức giữ lấy thành thì mới được.

Ai nấy nghe đều cảm động, rơm rớm nước mắt và xin liều chết để giữ thành. Bà huyện hạ lệnh rằng:

- Ai lấy gạch đá đánh được giặc, thưởng tiền một nghìn, ai lấy gươm giáo giết được giặc, thưởng tiền một muôn.

Tất cả được hơn một trăm người kéo nhau ra giữ thành, chống lại với giặc. Bà huyện thân đi trông nom lương thực cho quân lính.

Khi giao chiến, quan huyện bị một mũi tên, lúi về, ý không muốn đánh nữa, bà huyện giận nói:

- Ông không ở đây, thì ai chịu chết? Cho ông giữ thành mà có chết cũng còn hơn chết ở xó giường.

Ông huyện nghe cảm kích, hăng hái hơn trước, lại chạy lên thành, liều đánh một trận nữa, quân giặc túng thế phải kéo đi. Huyện Hạng Thành nhờ thế được an toàn.

LÒNG CƯƠNG TRỰC CỦA ÁN TỬ

Thôi Trữ là quyền thần⁽¹⁾ nước Tề, định giết vua Trang Công, bèn hội họp sĩ phu⁽²⁾ lại ăn thề. Ai nấy đều sợ hãi, rầm rập vâng lời. Duy có Án Tử nghiêm nhiên như không, nhất quyết không chịu thề.

Thôi Trữ bảo Án Tử:

- Người nghe ta! Ta lấy được nước, thì ta cho một nửa. Nếu mà không nghe, ta giết ngay lập tức.

Lúc ấy, bốn bên quân lính hầm hầm, sẵn sàng đưa gươm giáo ra giết Án Tử. Chết đến nơi, mà Án Tử vẫn không biến sắc mặt, ung dung nói rằng:

- Lấy lợi nhử người ta, bảo người ta phản bội vua là bất nhân; lấy binh khí hiếp người ta, làm người ta mất ý chí là bất dũng. Giết thì giết, ta đây không theo việc nhà người làm.

Thôi Trữ nghe nói, không dám làm gì Án Tử. Án Tử đứng dậy, ung dung bước ra về.

1. *Quyền thần*: Người chiếm hết cả quyền của vua.

2. *Sĩ*: Quan nhỏ; *Phu*: Quan to.

MAI HẮC ĐẾ

Năm Nhâm Tuất (722) đời vua Huyền Tông nhà Đường, ở Hoan Châu nổ ra cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.

Mai Thúc Loan sinh vào khoảng cuối TK VII, quê ở Mai Phụ, Thạch Hà, Hà Tĩnh. Không ai còn nhớ năm sinh ngày mất của ông. Chỉ biết rằng, thuở nhỏ nhà Mai Thúc Loan nghèo lắm, mẹ phải đi làm mướn cho nhà giàu và kiếm củi nuôi con. Đã thế, cậu bé lại chịu tiếng xấu là con không cha⁽¹⁾ và nước da đen sạm xấu xí. Nhưng Mai Thúc Loan cũng sớm bộc lộ thiên tư thông minh, sáng ý kỳ lạ và có sức khỏe tuyệt vời.

Lớn lên, Mai Thúc Loan phải làm lụng, lo toan giúp mẹ đủ việc. Chú bé hết đi làm mướn cho bọn hào phú lại theo mẹ vào rừng kiếm củi. Rồi một tai nạn khủng khiếp đã diễn ra giữa buổi hai mẹ con đi kiếm củi trong rừng sâu. Khi nghe tiếng kêu thét của mẹ, Mai Thúc Loan kịp chạy đến thì mẹ đã chết gục bên vũng máu cạnh một

1. Sách *Thiên Nam ngữ lục* chép mẹ Mai Thúc Loan đến xem nấu muối, bị một làn khói muối ngũ sắc bao lấy mình mà có thai.

con hổ lớn đang gầm gừ, quần đảo cắn xé man rợ. Hòn cầm thù ngút trời, Mai Thúc Loan xông vào đánh nhau với mãnh thú, buộc con vật đang say mồi, hung tợn phải bỏ chạy.

Từ đó, Mai Thúc Loan sống cuộc đời mồ côi, cày thuê ở mướn cho các hộ trong làng. Nhà nghèo, Mai Thúc Loan không được học hành mà chỉ học lỏm để biết chữ, hiểu nghĩa sách.

Lớn lên, Mai Thúc Loan là một chàng trai có sức khỏe phi thường. Thúc Loan là đô vật lừng danh, có những keo vật không ai dám vào tranh giải.

Theo phường săn học hỏi rồi trở thành thợ săn lành nghề, nhiều lần Thúc Loan giết được chúa sơn lâm khiến dân trong vùng khâm phục. Vì vậy, mọi người suy tôn Mai Thúc Loan làm chức "Đầu phu", - thủ lĩnh quân sự địa phương của làng.

Châu Hoan ngày ấy luôn bị giặc Chà Và (Gia Va), Côn Lôn (Mã Lai) cướp phá, nhất là ách đô hộ tàn bạo của nhà Đường, làm cho nhân dân vô cùng cực khổ. Đặc biệt, nạn cống "quả lệ chi" (quả vải) là một gánh nặng khôn cùng đối với nhân dân Hoan Châu. Nguyên do, ở Trường An, vua Đường có một nàng ái phi, gọi là Dương Quý phi nhan sắc tuyệt vời mà tính tình cũng thật thất thường. Dương Quý Phi thích ăn thứ quả lệ chi xinh xắn, chỉ ở An Nam mới có. Nên vua Đường bắt dân An Nam phải cống vải.



Mùa vải năm
Nhâm Ngọ (722),
Mai Thúc Loan
cùng đoàn phu
gánh vải đi nộp
cống. Đoàn người
gánh vải dầm dìa
mồ hôi mà vẫn
phải lê từng bước
trên đường. Gần
trưa, Mai Thúc
Loan cho mọi
người nghỉ chân ở
bên rừng. Cái
khát cháy cổ hành

hạ đoàn phu. Một dân phu có tuổi bứt lấy một quả
vải ăn cho đỡ khát. Quả vải chưa kịp đưa lên
miệng thì đã bị một tên lính Đường đi áp tải xông
tới, vung cán mã tấu đánh vào đầu. Khi tên lính
Đường định đánh ông già lần nữa, thì hắn đã bị
Mai Thúc Loan đánh chết ngất. Sự việc xảy ra
nhANH NHƯ chớp. Bọn giặc cậy có binh khí hò hét
vung dao, kiếm xông vào Mai Thúc Loan. Nhưng
những người dân phu theo lệnh Mai Thúc Loan,
đã rút dòn gánh chống lại. Lũ giặc không địch nổi
đoàn dân phu đều phải đền tội. Đánh tan lũ giặc
Đường trong một cơn phẫn nộ, Mai Thúc Loan lập
tức thổi bùng khí thế vụ bạo động thành một cuộc
dấy nghĩa.

Vị thủ lĩnh trẻ được tôn thành vị anh hùng, đã hiệu triệu trăm họ hưởng ứng nghĩa lớn và chọn Rú Đụn, còn gọi là Hùng Sơn làm căn cứ. Không để cho giặc rảnh tay, Mai Thúc Loan quyết định ra quân trước, đánh thẳng vào Châu trị⁽¹⁾ mở rộng địa bàn Hoan Châu cho cuộc khởi nghĩa.

Mai Thúc Loan phát hịch kể tội giặc Đường và kêu gọi người Việt đứng lên gìn giữ non sông. Từ căn cứ Hùng Sơn, Mai Thúc Loan mở rộng địa bàn, xây thành Vạn An với quy mô của một kinh thành. Từ đây, Mai Thúc Loan tìm cách liên kết với các thủ lĩnh và nhân dân các châu miền núi, với Champa để có thêm lực lượng chống quân Đường. Trước khi tiến hành đánh phủ đô hộ ngoài Giao Châu, Mai Thúc Loan được quân dân tôn phong lên ngôi hoàng đế, lấy vương hiệu là Mai Hắc Đế (vua Đen họ Mai). Và, chỉ trong một trận ác chiến, Mai Thúc Loan đã chiếm được phủ thành Tống Bình (Hà Nội), đuổi tên trùm đô hộ Quang Sở Khách tháo chạy về nước, lấy lại giang sơn. Đất nước ta được giải phóng, nhân dân khắp nơi nô nức theo Mai Hắc Đế, lực lượng nghĩa quân tới hàng chục vạn người.

Nhưng lúc này nhà Đường còn mạnh. Vua Đường huy động mười vạn quân ồ ạt theo đường hiểm đánh ập vào thành Vạn An. Không đương nổi cuộc xâm lược hung hãn, Mai Hắc Đế phải rút

1. Nơi đặt bộ máy đô hộ của một châu.

vào rừng, sau bị ốm rồi mất. Nghĩa quân tan vỡ. Quân Đường tàn sát nhân dân ta vô cùng dã man, xác người chết đắp thành gò cao. Tội ác tày trời này của giặc chỉ làm tăng thêm lòng căm thù của nhân dân nước Việt.

Nhân dân nhớ ơn Mai Hắc Đế, lập đền thờ, đề thơ ca tụng người anh hùng:

*Hùng cứ Hoan Châu đất một vùng
Vạn An thành lũy khói hương xông
Bốn phương Mai Đế lòng uy đức
Trăm trận Lý Đường phục võ công⁽¹⁾*

*...
Đường đi cống vãi từ đây dứt
Dân nước đời đời hưởng phúc chung⁽²⁾.*

Theo *Các triều đại Việt Nam*

Nxb. Văn học, 2008

1. Vua Đường họ Lý nên ở đây gọi là Lý Đường.

2. Nguyên văn chữ Hán chép trong tập *Tiến chân bảo luân tân kinh*.

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

... Phùng Hưng xuất thân từ dòng dõi cự tộc, hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Tây). Bố của Phùng Hưng là Phùng Hạp Khanh, một người hiền tài đức độ, từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan. Sau đó ông trở về quê, chí



thú làm ăn trở nên giàu có, nuôi trong nhà hàng ngàn nô tỳ.

Phùng Hạp Khanh có một người vợ họ Sủ, một lần sinh ba, được ba người con là Phùng Hưng, Phùng Hải và Phùng Dĩnh.

Trong ba anh em, Phùng Hưng có sức khỏe và khí phách đặc biệt. Ông được sử sách và nhân dân truyền tụng về tài đánh trâu, giết hổ ở đất Đường Lâm. Tương truyền, có lần ông đánh được hai con trâu mộng đang húc nhau. Lần khác, bằng mưu kế, ông đương đầu với con hổ dữ khét tiếng trong vùng, giết chết mãnh thú, trừ được họa cho dân. Vì được dân sẵn lòng mến phục, nên khi Phùng Hưng trưởng cờ dấy nghĩa mưu việc lớn, nhân dân theo về rất đông. Chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân lên tới vài vạn người. Quân giặc ở châu Đường Lâm và các vùng phụ cận không đương nổi những cuộc công phá sấm sét, phải tháo chạy. Phùng Hưng xưng là Đô Quân, Phùng Hải xưng là Đô Bảo, Phùng Dĩnh xưng là Đô Tổng chia quân đi trấn giữ những vùng hiểm yếu. Cao Chính Bình được vua Đường sai đem quân đi đàn áp nhưng chưa phân thắng bại. Khi tiến công, khi thế thủ, cuộc chiến diễn ra hơn hai mươi năm.

Năm Tân Mùi (791), Phùng Hưng cùng các tướng Phùng Hải, Phùng Dĩnh, Đỗ Anh Hàn, Bồ Phá Cần chia ra làm năm đạo bất ngờ vây đánh thành Tống Bình. Cao Chính Bình đem bốn vạn quân ra nghênh chiến. Sau bảy ngày đêm xung

sát, quân giặc núng thế phải rút vào thành cố thủ. Nghĩa quân Phùng Hưng thừa thắng hò reo bủa vây khắp bốn mặt thành. Thấy quân mình bị chết nhiều, Cao Chính Bình lo sợ phát ốm rồi chết. Phùng Hưng chiếm lĩnh thành trì, vào phủ đô hộ điều khiển việc nước được bảy năm thì mất. Con trai là Phùng An lên nối ngôi, thế theo lòng ái mộ của nhân dân tôn hiệu cha là Bố Cái Đại Vương⁽¹⁾. Phùng An nối nghiệp được hai năm thì bị vua Đường cử Triệu Xương đem quân sang đánh bại.

Phùng Hưng mất nhưng nhân dân không nguôi nhớ tiếc ông. Truyền thuyết dân gian kể: Phùng Hưng rất hiển linh. Ông thường hiện hình giúp dân lúc hoạn nạn. Dân làng cho là linh ứng, lập miếu thờ tự tại Đường Lâm. Sau này, Phùng Hưng cũng hiển linh giúp Ngô Quyền đánh thắng giặc ở sông Bạch Đằng. Vì vậy, Ngô Quyền cho lập đền thờ ông rất lớn. Ở Quảng Bá (Hà Nội), Triều Khúc (Hà Tây), ở Đại Ứng, Phương Trung, Hoạch An (Thanh Oai, Hà Tây) v.v... đều có đền thờ ông.

Theo *Các triều đại Việt Nam, Sđd*

1. *Bố* là cha, *cái* là mẹ, nghĩa là tôn Phùng Hưng làm cha mẹ.

VÕ TÒNG ĐẢ HỒ TRÊN ĐỒI CẢNH DƯƠNG

...Võ Tòng điềm nhiên vác gậy lên vai, nhanh nhẹn đi lên núi Cảnh Dương. Đi được bốn, năm dặm đường, đến chỗ chân núi, thấy bên đường có một cây lớn gọt trắng một quãng vỏ, cạo viết mấy hàng chữ lên trên. Võ Tòng đứng lại xem, thì thấy viết rằng:

"Trên núi Cảnh Dương có cạp lớn hại người, vậy các khách thương qua lại, nên đợi đến giờ Tỵ, giờ Ngọ, giờ Mùi, tụ họp đông người, cùng đi qua núi. Xin chớ có liều mà chết"

Võ Tòng xem xong, nói rằng:

- Cái này chắc là mưu mẹo của chủ hàng cơm, định lừa người ta phải trọ lại ở hàng của ông ta đây... Nhưng ta đây có sợ gì...

Nói rồi, chàng vung ngang cây gậy đi xuống núi. Bấy giờ vào khoảng giờ Thân, mặt trời đã sắp lặn.

Đi độ nửa dặm đường, Võ Tòng đến một tòa miếu cổ, chợt trông thấy trước cửa miếu dán một tờ bảng yết, chàng liền dừng lại, ngẩng lên để xem. Trong bảng yết viết:

"Huyện Dương Cốc yết thị cho các hành khách bộ hành cùng biết. Hiện nay trên núi Cảnh Dương có con cạp lớn giết hại nhiều người."

Bản huyện đã sắc cho các nhà đi săn, lòng bắt chưa được. Vậy khách thương đi đến đây, phải đợi có đông người, chờ đúng giờ Thìn, giờ Ty, giờ Ngọ, giờ Mùi thì mới qua núi được. Còn các giờ khác và khách đi một mình, đều cấm không cho đi qua núi, e thiệt hại đến tính mạng.

Nay yết thị. Ngày... tháng... năm, niên hiệu Chính Hòa."

Võ Tòng xem đến đây, đã có ấn tín của quan đóng cẩn thận, mới tin trên núi có hổ, định quay lại dưới núi để nghỉ. Nhưng rồi lại nghĩ thầm trong bụng rằng:

- Nếu bây giờ ta quay về đây, sẽ bị chủ quán chê cười.

Chàng suy nghĩ một lúc, rồi lại nói một mình rằng:

- Sợ gì? Ta thử đi xem làm sao?...

Nói xong lại vác gậy xông xộc đi lên.

Rượu này sức ấy tài kia

Trời còn coi bé huống chi vật thường!

Ví không thiết thạch can trường

Gánh sao cho nổi tang thương với đời?

Khi Võ Tòng đi được mấy bước, thấy hơi rượu đã bốc lên hừng hực, liền lật cái nón khoác ra sau lưng, rồi cắp gậy vào một bên sườn, hăm hở bước đi. Lúc này đang là tháng mười, đêm dài ngày ngắn, nên mới đi được mấy phút thì thấy mặt trời đã lặn, chàng liền lăm bắm một mình:

- Ở đây làm gì có hổ, chẳng qua chỉ sợ không dám đi lên đó thôi.

Nói đoạn, lại dần bước đi lên, bấy giờ hơi rượu càng ngày càng ngấm, lại càng nóng bức khó chịu, chàng liền một tay cầm gậy, một tay cởi phanh áo ngực rồi đi tắt qua lối rừng cây. Chợt trông thấy phiến đá xanh lớn ở một bên đường, Võ Tòng liền dừng lại, dựng thanh gậy vào một bên rồi nằm lăn lên phiến đá định ngủ.

Bỗng nhiên, có một trận cuồng phong đưa đến, rồi ở đằng sau bụi cây có tiếng gầm lên dậy đất, bất ngờ một con cọp rất lớn xuất hiện.

Võ Tòng trông thấy, kêu lên một tiếng "ái chà", rồi nhảy bỏ dậy vớ thanh gậy nấp vào bên cạnh phiến đá. Con cọp kia đang lúc bụng đói, miệng khát, trông thấy có mồi ăn, liền gầm lên một tiếng, cong vót đuôi lên, giơ hai vuốt chân trước cào xuống đất mấy cái, rồi nhún mình thẳng vào nơi Võ Tòng nấp mà nhảy vọt xuống đánh sầm một cái, không khác gì như đất lở trời long vậy.

Võ Tòng nhảy một cái về phía sau con cọp, thoát khỏi nanh vuốt của cọp trong gang tấc. Hổ trông về phía sau không được, liền đập hai hàng vuốt trước xuống đất, rồi ném mình quay ngoắt để vô. Võ Tòng lại lùi sang một bước tránh hẳn về một bên. Hổ ta thấy vô không trúng, thì gầm lên một tiếng như sấm đánh lưng trời, cơ hồ đất núi Cảnh Dương cũng phải âm âm chuyển động, rồi

dựng thẳng đuôi lên cứng như gậy sắt và vạt sang để đánh. Võ Tòng lại lách về một bên, thành ra hổ lại đánh hụt.

Nguyên giống hổ bắt người, thường dùng ba cách: Một là tát, hai là vỗ, ba là đánh. Nay thấy dùng hết ba cách ấy mà không bắt được Võ Tòng, lại tức tối chồm lên.



Võ Tòng thấy hổ quay chồm lại, liền hai tay múa cây gậy, dùng hết sức bình sinh, giờ thẳng

cánh tay, vụt một cái, chỉ nghe rắc một tiếng, rồi một cây to đổ ngang trước mặt.

Thì ra chàng đánh không trúng vào con cạp, mà lại trúng ngay vào một cây khô ở bên, làm cho cây cũng gãy xuống mà gãy thì mất phăng đi một nửa, chỉ còn một nửa ở tay.

Bấy giờ con cạp nóng tiết, lại gầm thét âm ỹ, quay lại vỗ luôn cái nữa.

Võ Tòng vội giật lùi lại khoảng hai mươi thước, vừa hay khi ấy hai chân trước của cạp ta vỗ soài xuống chỗ đất ở trước mặt Võ Tòng, chàng liền vút cây gãy ra một bên, rồi vung hai tay ra nắm lấy bờm con hổ mà ấn xuống đất.

Hổ lấy hết sức vùng dậy, song bị Võ Tòng cũng lấy hết sức đè xuống, rồi lấy đầu gối thực liên hồi xuống đầu hổ. Hổ gầm lên, hai chân sau cào xuống mặt đất, làm cho đất đằng sau lồm xuống như vũng sâu vậy. Lúc sau, con hổ mệt nhoài, không còn hơi sức nào chống cự lại được, Võ Tòng liền tay trái giữ chặt lấy bờm ấn xuống đất, rồi rút tay phải ra, lấy hết sức bình sinh đâm luôn cho mấy chục quả đâm nữa.

Hổ bị đâm một lúc, chảy máu tươi ra khắp cả mõm mũi và hai mắt, chỉ thở hồng hộc, rồi lủ đi không cựa được.

Bấy giờ Võ Tòng mới buông tay ra, rồi chạy đến bên gốc cây tìm đoạn gãy gãy, đem đến đánh luôn mấy chục cái nữa, cho hổ chết hẳn mới thôi.

Rồi chàng sấn vào, định xách con hổ đem xuống dưới núi, song vì lúc trước dùng sức quá mạnh, thành thử bấy giờ chân tay đều rời rã cả ra, không sao nhấc nổi lên được.

Võ Tòng thấy vậy, liền bỏ con hổ ở đấy, rồi lại lên trên phiến đá ngồi nghỉ. Một lúc sau, chàng nghĩ thầm rằng: "Bây giờ trời đã tối thế này, nếu ta ngồi đây mà lỡ có con hổ nào nữa xuất hiện, thì chống làm sao được? Thôi giờ ta hãy xuống núi tìm chỗ nghỉ, rồi sáng mai sẽ liệu".

Trích *Thủy Hử*

Tác giả: *Thị Nại Am*,

Á Nam Trần Tuấn Khải dịch

VỊ TƯỚNG SẮP RƠI ĐẦU VẦN TRÊN LŨNG NGỰA CHIẾN

Tương truyền, ông Đinh Công Trứ đã cao tuổi mà vẫn chưa có con. Bấy giờ ông chưa sinh ra Đinh Bộ Lĩnh, có một thầy bói nói với ông rằng, muốn có con phải xin lấy một đứa trẻ về nuôi, sau này sinh con mới tốt.

Một hôm, trên đường về làng, khi qua cánh đồng, trời đã nhập nhoạng tối, nghe văng vẳng có tiếng trẻ khóc, ông Công Trứ liền cho dừng ngựa lại thì thấy có một hài nhi còn đỏ hỏn, quần trong một mảnh áo cũ bỏ bên bờ ruộng, ông Trứ rất mừng, nghĩ là trời cho mình đứa bé này, liền ẵm đứa trẻ về nhà cho vợ nuôi.

Hai ông bà bàn nhau đặt tên cho đứa trẻ. Ông nói:

- Ta nhặt được nó ở ruộng, mà ruộng theo tiếng Hán là "điền". Vậy ta cứ đặt tên con là Điền.

Bà cũng ưng thuận. Hai ông bà yêu thương, chăm chút Đinh Điền như con đẻ của mình.

Lớn lên, Đinh Điền rất khôi ngô tuấn tú, có sức khỏe hơn người, dáng đi oai phong, hùng dũng. Tuy Đinh Bộ Lĩnh sinh sau Đinh Điền mấy

tháng, nhưng Đinh Điền vẫn gọi Bộ Lĩnh là anh, vì Bộ Lĩnh thông minh, hóm hỉnh hơn, phần vì Đinh Điền cho rằng mình là con nuôi, làm em cũng được.

Bộ Lĩnh và Đinh Điền ăn khỏe, chóng lớn, sức lực như hai võ sĩ, lại rất ham cung kiếm, võ nghệ. Hai anh em yêu quý nhau như anh em ruột thịt.

Khi Đinh Bộ Lĩnh tụ tập trẻ chăn trâu tập trận cờ lau thì Đinh Điền luôn luôn được cử làm tướng. Sau này dấy binh dẹp loạn mười hai sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh phong cho Đinh Điền làm đại tướng tiên phong. Mọi việc trong quân doanh, cả hai anh em đều chụm đầu bàn mưu, đặt kế. Khi thống nhất sơn hà, dựng nghiệp đế vương, chia ngôi bách quan văn võ triều đình, Đinh Tiên Hoàng xếp Đinh Điền là đệ nhất công thần khai quốc, là quan Tứ trụ triều đình, phong chức quan Ngoại Giáp, trông coi mọi việc bên ngoài kinh đô.

Đỗ Thích sát hại vua Đinh, Dương Thái hậu trao long cổn, vương miện, rước quan Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế. Nghe tin ấy, quan Ngoại giáp Đinh Điền và Đinh Quốc công Nguyễn Bặc hợp quân thủy - bộ hai đường, từ Ái Châu (Thanh Hóa) kéo về bao vây kinh đô Hoa Lư để giữ ngôi báu cho Đinh Toàn, giữ giang sơn Đại Cồ Việt cho nhà Đinh không bị mất về tay Lê Hoàn.

Đường thượng đạo do quân bộ tiến đánh vào phía Bái Lĩnh Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn

Bạc. Đường thủy tiến vào từ cửa Thần Phù hợp với một đạo kỵ binh từ ải Cửu Chân - Ba Dội⁽¹⁾ tiến vào do Đinh Điền chỉ huy đã tới Thiện Trạo và Vân Sàng⁽²⁾.

Lê Hoàn vốn là một đại tướng lừng danh, liên tung quân chặn đánh. Cánh quân của Nguyễn Bạc bị đánh tan tác ở Bái Lĩnh Sơn. Nguyễn Bạc bị bắt đưa về kinh đô hành quyết rất thảm khốc. Binh thuyền và đạo kỵ binh của Đinh Điền vừa vào đến cửa sông Vân Sàng liền bị chặn đánh. Nhân gió mùa đông bắc thổi mạnh, Lê Hoàn dùng kế hỏa công, phóng lửa thiêu cháy hầu hết các binh thuyền của Đinh Điền. Đinh Điền dẫn một đạo kỵ binh xông thẳng vào trung quân của Lê Hoàn, múa đại đao, chém hàng trăm thủ cấp.

Vì quá căm giận "kẻ làm tôi phản nghịch cướp ngôi nhà Đinh", Đinh Điền tả xung hữu đột, không phòng phục binh, bị đại tướng Phạm Cự Lượng chém, đầu chỉ còn dính hờ vào cổ. Máu loang đỏ chiến bào, ướt đầm mình ngựa chiến. Đinh Điền vẫn phi trên lưng ngựa, tay vung thanh đại đao được Tiên Đế ban cho từ thuở mới dựng cơ đồ. Quân Lê Hoàn khiếp sợ, cho là Thiên

1. ải Cửu Chân - Ba Dội nay thuộc phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

2. *Thiện Trạo*: Căn cứ thủy quân của nhà Đinh xưa, nay thuộc phường Ninh Sơn; Sông Vân Sàng nay thuộc thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

tướng hạ giới, chạy tán loạn. Quan Ngoại giáp phi ngựa vào đến Kỳ Vĩ⁽¹⁾, không thấy bóng giặc, chỉ thấy quán nước của một bà lão bên đường. Đinh Điền hỏi bà lão:

- Đầu ta có còn không?

Bà lão bán hàng nhìn chiếc đầu lâu chỉ lay lắt trên cổ tướng quân, dòng máu đỏ vẫn đang túa ra, thì vô cùng kinh sợ, quỳ sụp xuống lay lấy lấy để:

- Dạ thưa... tướng quân, đầu tướng quân vẫn còn. Nhưng... như chúng con người trần mắt thịt thì không thể sống được nữa!

Đinh Điền nói:

- Lão cho ta vò rượu!

Bà lão càng khiếp sợ, luống cuống lấy rượu.

Đinh Điền dốc cạn vò rượu, nói:

- Ta tất không tránh khỏi cái chết. Nhưng hiềm một nỗi chưa cứu được cơ đồ nhà Đinh để báo đáp hiệu ân Tiên Đế!

Nói xong, Đinh Điền ung dung xuống ngựa, nằm dưới gốc đa cổ thụ, cởi áo chiến bào sũng máu đắp lên người, lấy thanh đại đao gối đầu, nằm như người đang ngủ. Khi quân lính và dân chúng chạy đến thì mỗi đã xông lên thành gò mả lớn. Nhân dân địa phương bèn lập đền thờ ngài, gọi là đền Hiềm để tưởng nhớ lời nói tiếc nuối của quan Ngoại giáp trước lúc hóa (chết), "Hiềm một

1. Kỳ Vĩ: Nay thuộc xã Ninh Thất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

nổi chưa cứu được cơ đồ nhà Đinh...". Từ đó, đền được coi là nơi thờ Thành Hoàng của nhân dân quanh vùng. Các đời đều có sắc phong ngài là Trung thần Nghĩa liệt Chiêu quân Hiển ứng Đại vương.

Theo *Truyền thuyết Đinh Lê*

Nxb. Văn hóa Dân tộc, 2009

TÙY LỘC ĐẠI VƯƠNG

Vào thời Hậu Lương (Trung Quốc), khi ấy cha con họ Khúc đã giành được quyền tự trị nước ta, ở Sách Bông, động Hoa Lư, có ông già tên là Lưu Hỷ, vợ là Lê Thị Lao, ăn ở với nhau mấy chục năm trời, rất thuận hòa mà vẫn chưa có con nối dõi. Hai ông bà lại càng ra sức tu nhân tích đức, cứu giúp người nghèo khó hoạn nạn.

Ông bàn với bà sắm lễ vật vào miếu sơn thần ở Bạch Bát (nay thuộc xã Yên Thành, huyện Yên Mô, Ninh Bình) để cầu tự, rồi ở lại đó ba ngày đêm liền. Đến đêm thứ ba, bỗng nhiên bà thấy có một luồng hào quang đỏ rực, lao thẳng vào lòng mình. Bà Lê Thị cảm động mà có mang. Đến ngày mồng ba tháng Giêng, bà sinh được một cậu con trai da trắng hồng, môi đỏ như son, mắt sáng, mày sắc, trông thật khác thường.

Năm lên năm tuổi, ông bà đặt tên con là Lưu Cơ, lại tìm các thầy đồ danh tiếng cho theo học. Lưu Cơ liên tục mười mấy năm theo thầy ăn học, kinh sử lầu thông, biện bạch như gió, xa gần nức tiếng thần đồng. Năm Lưu Cơ mười tám tuổi, cha mẹ đều qua đời. Chàng vào động Hoa Lư theo Đinh Bộ Lĩnh dựng cờ dẹp loạn mười hai sứ quân.

Lưu Cơ đã cùng Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú trở thành bốn người kề vai sát cánh, bày mưu, tính kế đắc lực giúp Đinh Bộ Lĩnh trong sự nghiệp dẹp loạn sứ quân, thống nhất nước nhà.

Một lần, Lưu Cơ được Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh giao cho thống lĩnh hai vạn binh mã để tiến đánh Lý Lãng Công ở Siêu Loại (Bắc Ninh). Khi đạo quân kéo đến Đại Từ, huyện Tế Giang (nay là Văn Giang, Hưng Yên), ông cho quân nghỉ lại cắm trại. Thấy dân tình thuần hậu, nhân hòa, địa lợi, Lưu Cơ cho xây dựng một tòa phủ đệ để làm chốn hành doanh, lại cho tuyển mộ thêm nhiều tráng sĩ bổ sung lực lượng.

Khi quân đã đủ mạnh, lương thực, khí giới đầy đủ, Lưu Cơ viết thư rồi cho người tâm phúc đến thành Siêu Loại để dụ hàng Lý Lãng Công. Lý Lãng Công cười lớn:

- Bậc đại trượng phu đâu lại chịu hàng một gã thư sinh trói gà không chặt!

Đoạn, sai giết sứ giả của Lưu Cơ, rồi tung quân tiến đánh trước. Lưu Cơ chia quân thành hai đạo: Một đạo bày trận phục kích rồi nhử quân Lý Lãng Công vào trận địa mai phục để đánh. Một đạo bí mật đang đêm vòng về phía sau thành Siêu Loại, đánh thẳng vào thành. Lý Lãng Công bị sa vào trận địa phục kích, quân sĩ chết quá nửa, quay trở lại thành thì thấy lửa đã bốc cháy nghi ngút. Lý Lãng Công định chạy về Phong Châu, nhưng bốn mặt đều bị vây đánh ráo riết.

Lý Lãng Công chống đỡ không nổi, bị bắt sống ngay tại trận. Binh lính giải Lý Lãng Công về quân doanh nộp cho Lưu Cơ. Lưu Cơ cười hỏi:

- Gã học trò trời gà không chặt này liệu có vinh hạnh được tiếp tướng công trong tình cảnh này không?

Lý Lãng Công uất quá, không nói không rằng, đập đầu vào cột tuần tiết. Mọi người thấy vậy rất khâm phục khí tiết của Lý Tướng Công. Lưu Cơ sai mai táng chu đáo cho họ Lý, chu cấp tiền bạc cho những binh lính họ Lý bị bắt, rồi thả về quê quán.

Khi đất nước đại định, thanh bình, vua Đinh phong Lưu Cơ làm Đô hộ phủ Sĩ sử, - một chức quan cao cấp, đứng đầu hình luật trong nước, lại ban thực ấp ở trang Đại Từ là nơi ông dựng hành doanh đánh sứ quân họ Lý. Sau khi Lưu Cơ mất, nhân dân Đại Từ lập đền thờ ngay tại hành doanh phủ đệ thực ấp của ông. Vua Đinh ban sắc truy phong ông là Tùỵ Lộc Đại vương.

Theo *Truyện thuyết Đinh - Lê, Sđd*

BẢY NGƯỜI LÍNH DŨNG CẢM^(*)

Đứng từ Quỷ Môn Quan nhìn sang phía đông, tầm mắt vượt qua một khoảng trống chừng hai trăm mét, ta bắt gặp một dãy núi đá sừng sững chắn trước mặt.

Dãy núi chạy dài từ bắc xuống nam, có bảy ngọn liên tiếp giống như một con rồng châu trên tranh khắc gỗ ở một đỉnh chùa cổ kính. Ở lưng chừng ngọn núi thứ nhất, từ bắc xuống, nhô ra một cái đầu con quỷ bằng đá, hình thù giống như con quỷ trong những bức tranh thờ nơi miếu mạo. Không biết đích xác con quỷ ấy có từ bao giờ, nhưng theo người già kể lại thì câu chuyện xảy ra như sau:

Rặng núi Quỷ ngày xưa cũng bình thường như những rặng núi khác. Trong cuộc kháng chiến chống quân nhà Tống lần thứ nhất (981) có mười bảy người lính trấn ải, là con em các dân tộc ít người ở địa phương được các bộ lão tuyển chọn và do đích thân Lê Hoàn cử họ trấn giữ Quỷ Môn Quan.

Trong đêm Đức Vua ngự ở hang Thái Đức, mười bảy người lính trấn ải ở núi Quỷ đã gieo kinh hoàng cho quân xâm lược Tống khi chúng ào ạt tấn công cửa ải này. Trong một trận chiến đấu

(*) BS. đặt lại tên.

vô cùng chênh lệch ở thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giữ nước, mười bảy chiến sĩ trấn ải ở núi Quỷ đã bằng những mũi tên lợi hại của mình bắn ngã hàng trăm tên địch. Ý đồ của địch đánh lướt qua các ải để tiến nhanh về Thăng Long bị chặn đứng ở Quỷ Môn Quan. Hầu Nhân Bảo uất quá, sai hàng ngàn lính bao vây quả núi, quyết tiêu diệt những người lính trấn ải này. Một cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt xảy ra: đá, tên độc đã làm cho quân địch chết, lớp lớp chồng lên nhau. Cuối cùng vì giặc đông nên chúng đã chiếm được quả núi. Bảy chiến sĩ xung phong ở lại chặn địch cho mười bạn chiến đấu rút vào rừng sâu và đã hy sinh oanh liệt ngay tại cửa hang Thái Đức.

Quân giặc uất quá, chặt đầu bảy người lính trấn ải, cắm lên cọc làm thành một hàng dài rồi xẻo mũi, cắt tai nhắm rệu.

Đêm ấy trời đổ mưa lớn, sấm bão dữ dội. Sáng hôm sau, nhân dân địa phương thấy ở trên rặng núi nổi lên bảy ngọn núi cao vút, ở ngọn núi phía Bắc nhô ra đầu một con quỷ đá.

Người già bảo rằng: Bảy ngọn núi ấy là do các nàng tiên trong đêm mưa bão đã gánh đất đắp mộ cho bảy người lính trấn ải đã hy sinh vì đất nước. Các nàng tiên đã sai con quỷ ra nằm gác cho bảy người chiến sĩ vô danh yên giấc ngàn thu...

Theo *Ký tích Chi Lăng*,

Nxb. Văn học.

Tác giả: *Nguyễn Trường Thanh*

LÊ PHỤNG HIỂU

Lê Phụng Hiểu là một đại tướng nhà Lý, phụng sự ba triều vua đầu tiên của nhà Lý: Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, ông là người có công rất lớn trong việc phò vua Lý Thái Tông (tức Lý Phật Mã) lên ngôi.

Lê Phụng Hiểu người hương Bắc Sơn, Châu Ái (Thanh Hóa). Mẹ của Lê Phụng Hiểu là Lê Thị Tố Nương, gần ba mươi tuổi mới lấy chồng. Phụng Hiểu lên ba tuổi thì mồ côi cha, nhà rất nghèo, ở với mẹ trong túp nhà gianh ở thôn Cổ Bi dưới chân núi Bông Sơn. Phụng Hiểu có sức vóc khỏe mạnh, hơn sáu tuổi đã làm được mọi việc giúp mẹ. Hơn mười tuổi đã cày thuê cuốc mướn, làm mọi việc nặng. Hàng ngày Phụng Hiểu vào rừng hái củi để bán lấy tiền nuôi mẹ, vì lúc này sức mẹ cũng đã yếu. Lại tự vào rừng chặt tre đốn gỗ, mang về dựng lại nhà, mở rộng vườn trồng trọt, khai phá đất đồi để trồng thêm hoa màu.

Một hôm, Phụng Hiểu đang cùng dân làng khai khẩn đất, thì người bên làng Đàm Xá kéo sang tranh giành. Phụng Hiểu nói:

- Có văn bản nào nói đất này thuộc về Đàm Xá đâu? Lâu nay làng tôi cư trú, cày cấy có thấy ai hỏi han gì đâu?

Người làng Đàm Xá cãi bừa và cầm gậy gộc gây ẩu đả. Dân làng Cổ Bi yếu thế phải lui dần, một mình Phụng Hiểu nhổ đứt một cây tre, cầm vạt lia lịa, mấy chục người Đàm Xá sợ quá, bỏ chạy về, không dám tranh giành nữa.

Tiếng đồn Phụng Hiểu khỏe như voi lan khắp Châu Ái. Có anh Trần Tuấn là võ sĩ ở huyện Đông Sơn muốn đo sức. Một hôm Trần Tuấn tìm đến nhà, mẹ Phụng Hiểu lưu lại mời ăn cơm chờ Phụng Hiểu đi rừng về. Tuấn đang ăn thì bà mẹ nói:

- Con tôi đã về đấy.

Tuấn nhìn ra sân, nhác thấy một thân hình cao lớn chưa từng thấy và một gánh củ to khủng khiếp, sợ quá, lén trốn biệt.

Phụng Hiểu vào nhà, mẹ kể lại chuyện Trần Tuấn tìm để thử sức. Phụng Hiểu bực mình, chạy đuổi một mạch đến phủ Vinh, chạy qua Trì Trọng, lại chạy đến Tào Xuyên, đuổi kịp và vật ngã Trần Tuấn ở chân núi Nham Thạch. Một tay Phụng Hiểu cầm cổ, một tay cầm đùi Trần Tuấn giơ cao lên, cười ha hả! Trần Tuấn chỉ biết lay, xin tha, tôn Phụng Hiểu làm sư phụ.

Bấy giờ có giặc cướp rập rình ở ngoài biển Đồ Sơn, chúng có khoảng gần trăm chiếc tàu ô. Lại thêm quân Chiêm Thành cướp phá vùng Nghệ An, Thanh Hóa, quân triều đình không cản nổi, chúng thừa thắng kéo ra quấy phá Thăng Long. Lý Thái Tông, (tức Lý Công Uẩn) truyền hịch khắp nước tìm người tài sung quân để phá giặc. Các đại thần Ái Châu tiến cử Lê Phụng Hiểu.

Phụng Hiểu chuẩn bị đầy đủ lương thực cho mẹ rồi ra kinh đô yết kiến vua. Vua Lý đã nghe tiếng đồn, nay lại thấy cái uy phong lẫm liệt của Phụng Hiểu, liền phong làm đại tướng, cho nhận quân khẩn cấp tập trận để dẹp ngoại xâm, phá hải tặc tàu ô. Phụng Hiểu xin vua cho ông ra quân trận đầu, hai bên cầm cự nhau mãi, rồi cũng phải rút lui. Nhưng qua đó, ông đã rút ra được kinh nghiệm và biết được chỗ mạnh, chỗ yếu của giặc. Vua triệu ông vào hỏi:

- Tại sao quân ta đánh mãi chưa thắng? Có kế gì để đuổi được giặc?

Ông thưa:

- Quân ta lâu nay thua vì quân Chiêm hơn về voi. Hàng trăm con voi xông lên, quân ta lúng túng mặc dầu có tinh thần quyết tử. Thần đã có kế, xin bệ hạ chờ cho mấy ngày.

Hôm sau, ông họp tướng sĩ tập trận, chọn ra một trăm lính khỏe làm đội cảm tử do ông chỉ huy, cấp cho mỗi lính cảm tử một số tiền, sai đến lò rèn bảo thợ rèn rèn cho gậy sắt dài một sải tay (khoảng 1,5m) để đánh gãy chân voi. Còn các đội đánh gươm, đại đao, giáo dài, bắn cung, ông dặn vừa tấn công vừa đánh yểm hộ cho đội cảm tử. Sắp xếp xong, đến ngày xuất chiến, ông sai quân giống trống vỹ cò, tiến nhịp nhàng... Đợi khi đàn voi giặc tràn sang, ông hô đội cảm tử quyết chiến! Thế là voi giặc bị què chân hoặc bị đánh đau không tiến được, đội hình giặc rối loạn, quân ta

đánh riết, quân giặc chết gần hết, còn số ít xin hàng. Ta thu được nhiều voi, thuyền, vũ khí, lương thực. Vua và triều đình vui mừng, mở tiệc khao quân. Dân cả nước đều biết công lao Lê Phụng Hiểu.

Vua Lý mời Phụng Hiểu vào điện, ban khen:

- Trẫm phong cho khanh tước cao, cho tiền xây nhà cửa ở kinh thành, cho ruộng thực ấp để hưởng quan lộc.

Phụng Hiểu cúi đầu tạ ơn vua và từ chối tất cả. Vua ngạc nhiên hỏi:

- Công dẹp giặc của khanh rất to lớn, khanh chê ít hay sao mà từ chối?

Phụng Hiểu chân thành tâu:

- Thần ở chốn rú bụi, hầu hạ mẹ già đã quen, không quen ở nơi đô hội ồn ào. Bệ hạ cho nhiều ruộng đất, thần chỉ có hai mẹ con không cày bừa nổi. Thần cũng không quen sống ở kinh đô, chỉ cần làm một tòa nhà gỗ trên núi Bạng Sơn sống với mẹ là đủ rồi. Nếu bệ hạ đoái thương cảnh nghèo thì cho thần đứng trên ngọn Bạng Sơn, phóng con dao ra đến đâu, xin cấp ruộng đất đến chỗ đó là đã mãn nguyện.

Các đình thần lấy làm ngạc nhiên, vua Lý cảm động nói:

- Trẫm sẽ ban thưởng cho khanh theo ý muốn.

Rồi vua sai Bộ hộ mang tặng phẩm và tấm biển *Tiết phụ khả phong* vào Ái Châu tặng cho bà mẹ, cùng quan địa phương tổ chức lễ phong đất

thác đao (tự nguyện đứng trên núi ném đao) cho đại tướng Lê Phụng Hiểu. Phụng Hiểu cầm cây đại đao dùng khi ra trận, đứng trên đỉnh cao của núi, phóng đao ra, các quan thấy đao vút tít lên không, nhỏ dần như đầu ruồi, mãi mới rơi xuống đất. Mọi người xuống căng dây đo, cách chân núi hơn mười dặm (5km), đo đạc tổng diện tích được hơn 1.000 mẫu, Bộ hộ cấp giấy "thác đao điền".

Xong việc cấp đất, Phụng Hiểu bái tiến các đại thần về triều. Dân làng kéo đến chúc mừng, ông cảm tạ mọi người đã chăm lo mẹ già khi ông đi vắng. Ai cũng khen Lê Phụng Hiểu là người chất phác, giản dị, sống có tâm đức, tận hiếu với mẹ, tận trung với nước. Đó là tấm gương trong sáng truyền đến đời sau.

Trích *Những tấm gương hiếu thảo thời xưa*

Nxb. Văn hóa Dân tộc, 2000

Tác giả: Trần Bá Chí

TẤM LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA DƯƠNG NGHIỆP^(*)

Câu chuyện về Dương Gia tướng xưa nay ai cũng biết. Lão lệnh công nhà họ Dương tên là Dương Nghiệp, một vị tướng nổi tiếng của vương triều Bắc Tống, ông còn có tên là Dương Kế Nghiệp, quê tổ ở Lâm Châu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) sau chuyển đến ở Thái Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây).

Từ thuở nhỏ, ông đã chăm luyện kiếm cung, tính tình phóng khoáng, thuở thanh niên nổi tiếng kiêu dũng, được mọi người gọi là "Dương vô địch".

Dương Nghiệp về với triều Tống, được Tống Thái Tông coi trọng, phong cho chức Đại tướng quân. Ông giữ chức vụ không có giờ phút nào nhàn hạ, mỗi ngày thao luyện binh mã, sửa sang tường thành giống như lúc nào cũng đề phòng chinh chiến.

Mùa xuân năm sau, mười vạn đại quân Liêu hùng hổ tiến xuống phương Nam, tấn công Nhạn Môn quan, Dương Nghiệp chỉ huy vài ngàn quân

^(*) B.S đặt lại tên.

sĩ đại thắng quân Liêu, từ đó uy danh của ông khiến quân Liêu nghe đến là bạt vía kinh hồn. "Dương vô địch" trở thành tấm bình phong ngăn phương Bắc của vương triều Tống.

Năm Ung Hi thứ ba đời Tống Thái Tông (năm 986), vì muốn khôi phục lại các châu, quận bị Thạch Kính Đường nhà Hậu Tấn cắt dâng cho nước Liêu, Tống Thái Tông chia quân làm ba đạo tiến lên đánh phương Bắc.

Đạo quân Trung tây lộ do Phan Mỹ, Dương Nghiệp đứng đầu. Dương Nghiệp chỉ huy quân tây lộ anh dũng giết địch, đánh thắng nhiều trận, chỉ trong hai tháng ngắn ngủi, ông đã thu phục được bốn tòa thành ở các đất Vân, Ứng, Hoàn, Sóc. Thế quân của ông như chẻ tre, nhưng quân đông lộ lại bị quân địch tiêu diệt hoàn toàn ở cửa quan Kỳ Câu (nay thuộc huyện Trác, Hà Bắc). Toàn bộ chiến cục Bắc phạt đang từ chủ động biến thành bị động, từ tấn công thành cố thủ rút lui. Triều đình ra lệnh cho quân tây lộ bỏ bốn thành vừa chiếm được rút về yểm hộ toàn quân rút lui và sát nhập nhân dân bốn châu ấy vào đất Trung Quốc.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Dương Nghiệp bàn với Nguyên soái Phan Mỹ:

- Nay thế quân địch rất mạnh, không nên đối đầu với chúng, quân Liêu đã chiếm hai châu Hoàn và Ứng, đang muốn đoạt luôn hai châu Vân và Sóc, quân ta nên đánh úp Ung Châu để dẫn dụ

quân Liêu vòng lên phía bắc nghinh chiến, chia binh lực của chúng ra.

Rất tiếc, kiến nghị của Dương Nghiệp không những không được chấp nhận mà còn bị các Giám quân Vương Tiên và Lưu Văn Dụ châm chọc:

- Quân hầu ngài có hiệu là "vô địch", nay gặp địch không dám đánh, hay là ngài có ý gì khác?

Dương Nghiệp bị châm chọc hết sức buồn giận, ông cảm phần đáp:

- Nghiệp tôi đây không hề sợ chết, chỉ vì thời cơ chưa có lợi, sĩ tốt chết uổng mà công không thành. Nay các ông trách Nghiệp, Nghiệp tôi xin ra trận trước vậy.

Dứt lời, ông thống lĩnh một đạo quân lên đường. Trước khi xuất phát, ông chỉ vào cửa cốc Trần Gia nói với Phan Mỹ:

- Lân ra quân này tất không có lợi, tôi nguyện lấy cái chết báo đền ơn nước, xin Tướng quân cho hai cánh quân mai phục hai bên, đợi tôi dụ địch tới đây thì ngài cho bộ binh xông ra hai bên cứu tôi.

Phan Mỹ và Vương Tiên lập tức dẫn quân đến cửa cốc.

Dương Nghiệp dẫn quân tiến lên phương Bắc, gặp ngay chủ lực của quân Liêu. Lúc này có muốn rút lui cũng đã muộn, Dương Nghiệp hét lên:

- Đã đến lúc ta hết lòng trung với nước!

Rồi cùng con trai là Dương Đình Ngọc xông vào trận địch.

Hai cha con tả xung hữu đột như vào chỗ không người. Dương Nghiệp trở hết thần uy, càng đánh càng dũng mãnh, máu địch nhuộm đỏ áo chiến của ông.

Quân địch đông gấp mười lần quân Tống, giết hết lớp này lại có lớp khác tràn đến, tướng sĩ chung quanh cha con Dương Nghiệp càng lúc càng ít, chỉ còn lại hơn một trăm người. Họ vừa đánh vừa rút chạy, cuối cùng tàn quân rút được tới cửa cốc Trần Gia, Dương Nghiệp cứ tưởng quân mai phục của Phan Mỹ và Vương Tiên sẽ xông ra đánh bại quân Liêu. Nhưng không ngờ Phan Mỹ và Vương Tiên vừa nhìn thấy quân Liêu đã vội vã rút chạy. Hơn một trăm quân Tống do Dương Nghiệp chỉ huy bị quân Liêu bao vây ở cửa cốc Trần Gia, trong thì lương thực đã hết, ngoài thì không có quân cứu viện, Dương Nghiệp tự biết tình thế đã hết hy vọng, ông quyết tâm lấy cái chết báo đền tổ quốc.

Dương Nghiệp nói với các tướng sĩ chung quanh:

- Các người đều có vợ con ở nhà, không cần phải theo ta chết uổng, ta là chủ tướng, sẵn sàng chết vì nước, các người hãy mau chia ra phá vòng vây, may ra về được triều đình báo tin của ta.

Tướng sĩ cùng khóc, quỳ xuống tình nguyện chết cùng lão tướng quân. Dương Nghiệp đành chỉ huy, dẫn hơn một trăm quân tấn công xung kích lần cuối cùng. Lúc ấy, tuổi Dương Nghiệp đã quá

sáu mươi, thân trúng nhiều vết thương vẫn anh dũng múa đao giết vài chục quân Liêu. Cuối cùng ngựa ông bị trúng tên, ông rơi xuống ngựa và bị bắt sống. Dương Đình Ngọc và các tướng sĩ Tống đều hy sinh oanh liệt.

"Dương vô địch" bị bắt sống, đối với quân Liêu là một thắng lợi lớn, quân địch tìm mọi thủ đoạn dụ ông hàng nhưng Dương Nghiệp kiên trinh bất khuất, quyết tìm đến cái chết bằng cách tuyệt thực, ba ngày sau thì ông chết.

Tin Dương Nghiệp chết trận truyền đi, trên từ thiên tử Tống Thái Tông "vô cùng đau đớn thương tiếc", dưới đến nhân dân, quân sĩ đều than khóc.

Câu chuyện tiết liệt trung dũng của Dương Nghiệp trải qua hàng trăm năm lưu truyền, được viết thành truyện và diễn thành ca kịch, truyền bá rộng rãi, hình thành cả một hệ thống truyện kể về Dương Gia tướng.

Theo *Tinh hoa gương sáng cổ nhân*,

Nxb. Văn học, 1998

ĐỐI ĐÁP VỚI KẺ PHẢN NƯỚC^(*)

Sau ba lần đại bại, không cướp được nước Đại Việt, vua Nguyên căm giận muốn khởi binh sang đánh, bèn sai Trương Lập Đạo sang dụ vua Trần sang châu vua Nguyên. Mặc cho Trương Lập Đạo đe dọa và dụ dỗ, vua Trần vẫn kiên quyết không sang châu, vin cớ có tang cha.

Năm 1292, vua Trần sai hai sứ thần là Nguyễn Đại Pháp và Hà Duy Nhâm đi sứ nhà Nguyên.

Nguyễn Đại Pháp sang sứ Nguyên với tư thế của một nước vừa chiến thắng, làm cho quân Nguyên phải kính nể, gọi ông là "lão lệnh công" (ông quan già).

Khi Nguyễn Đại Pháp vào yết kiến các viên quan Bình chương ở hành sảnh, thì thấy Trần Ích Tắc cũng ngồi đấy.

Trần Ích Tắc là con vua Trần Thái Tông, là em của vua Trần Thánh Tông, là anh ruột Trần Nhật Duật. Khi mới mười lăm tuổi đã tỏ ra thông minh hơn người, thông kinh sử và các kỹ thuật, văn chương nhất đời, đủ nghề vật như đá cầu, đánh cờ, không nghề gì không tinh thạo.

(*) BS. đặt lại tên.

Ích Tắc ngầm có ý tranh ngôi trưởng, từng ngầm viết thư riêng gửi khách buôn ở Vân Đồn mang về cho vua Nguyên, xin nhà Nguyên đem quân sang đánh nước Nam.

Khi quân Nguyên sang đánh nước ta lần thứ hai, Trần Ích Tắc và Văn Chiêu hầu Văn Lộc, Văn Nghĩa hầu Tú Hoãn, Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đều đem cả gia quyến đầu hàng quân Nguyên. Trần Ích Tắc đã được phong làm Chiêu Quốc vương, khi ra hàng quân Nguyên được chúng phong làm An Nam Quốc vương, sau đó theo quân Nguyên về Trung Hoa, được phong chức quan Bình chương, vì thế cũng có mặt ở nơi đó.

Có lần, thấy Đại Pháp không chào hỏi mình, Trần Ích Tắc bèn hỏi Đại Pháp:

- Người có phải là kẻ biên chép ở nhà Chiêu Đại Vương không? (Chiêu Đại Vương Trần Quang Sởng, con vợ thứ của Trần Thái Tông, anh cùng mẹ với Ích Tắc).

Đại Pháp khoan thai trả lời:

- Thế sự đã đổi thay, Đại Pháp này, trước đây là kẻ biên chép của Chiêu Đại Vương, nay là sứ thần của một nước, cũng như ông, trước là con vua một nước mà nay là kẻ đầu hàng giặc!

Ích Tắc nghe Đại Pháp nói hổ thẹn đỏ mặt. Từ đó, hễ khi nào có sứ thần nước ta đến, Ích Tắc không dám ngồi ở sảnh đường nữa. Về sau chết ở bên đó.

Theo *Dã sử Thăng Long Hà Nội*,

Nxb. Văn hóa Thông tin, 2010

HIỂN MÌNH CHO THẦN BIỂN VÌ DÂN^(*)

Tương truyền, Bích Châu là con gái yêu của một vị quan họ Nguyễn, một cận thần dưới triều Trần. Cha mẹ bà rất yêu quý bà nên đặt tên bà là Nguyễn Bích Châu, tự Bích Lưu. Ngụ ý rằng con gái ông bà quý giá như châu ngọc, lưu ly ở trên đời.

Ngay từ bé, Bích Châu đã nổi tiếng thông tuệ, giỏi văn chương thơ phú, thạo âm nhạc.

Càng lớn, Bích Châu lại càng xinh đẹp, nổi tiếng một vùng.

Năm mười sáu tuổi, nàng được tiến cung, trở thành cung phi của Trần Duệ Tông, được vua đổi tên là Nguyễn Cơ Bích Châu.



(*) BS. đặt lại tên.

Bấy giờ chính sự trong nước đổ nát, Bích Châu liền thảo "Kê minh thập sách" dâng vua Trần Duệ Tông. Đoạn cuối viết:

"Dám dâng lên tấm lòng trung thực, mong nhận cho lời nói quē mùa. Bỏ điều dở mà làm điều hay, xin bệ hạ lượng nghĩ. Nước được trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy".

Bài sách dâng lên, Duệ Tông thích lắm, ngài đập vào cái phách nói:

- Không ngờ một người đàn bà lại thông tuệ đến thế! Thật là một Từ phi⁽¹⁾ ở trong cung của trăm vậy.

Mặc dù khen bài sách hay, nhưng Duệ Tông không sửa chính sự theo lời khuyên của Bích Châu. Lên ngôi được bốn năm, Duệ Tông muốn đem quân đi đánh Chiêm Thành. Quần thần khuyên can nhưng ngài không nghe. Bấy giờ, Bích Châu liền làm một bài biểu dâng lên. Nội dung như sau: "Thiếp trộm nghĩ, rợ Hiếm Doãn ngang tàng quá lắm, từ trước quen thân, rợ Hung Nô kiệt hiệt gớm ghê, đến nay cùng tệt. Vì cướp bóc là cái thói thường của man di, mà dùng binh không phải bản tâm của vương giả. Nhỏ xiu kia Chiêm Thành, ở mé nơi hải đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị Thủy nhòm thấy nước ta bất hòa, khi ấy tiếng trống động ngoài biển, chỉ vì lòng dân

1. *Từ phi*: Vợ Đường Thái Tông, nổi tiếng văn hay chữ tốt.

chưa yên...". Và nàng viết tiếp "Việc trị đạo trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn, trị cái rắn nên dùng cái mềm, phục rợ xa cốt lấy đức... Đó là thượng sách, xin xét đoán cho mình".

Bài biểu dâng lên cũng không được vua nghe. Bích Châu buồn rầu nói:

"Nghĩa là vua tôi, ơn là vợ chồng, đã không giỏi can ngăn để giữ nên bình trị, lại không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi trời đất vậy".

Từ đó nàng ăn ngủ không yên, lúc nào cũng bồn chồn, lo lắng. Khi vua Duệ Tông thân chinh cầm quân đi đánh Chiêm Thành, nàng xin theo và được chuẩn ý.

Quân đi đến cửa biển Kỳ Hoa (nay là Kỳ Anh, Nghệ Tĩnh), bỗng nhiên nổi gió to, sóng lớn, thần biển hiện lên đe dọa. Muốn thoát hiểm phải hiến một cung nữ cho thần biển làm vợ. Nhà vua bắn khoản, chưa biết tính sao thì Bích Châu quỳ xuống tâu:

- Thần thiếp xin ra đi vì sự sống còn của đạo quân này, vì sự hiển vinh của bộ hạ. Sau khi thiếp chết, chỉ xin bộ hạ hãy sửa văn, nghỉ võ, tin dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa để tính kế lâu dài.

Nói xong liền nhảy xuống biển. Tương truyền, biển lại trở nên bình lặng, sóng gió tạm yên. Sau này có bài thơ viếng bà:

Gặp lúc thế nước an nguy không tiếc thân mình

Chuyển vùn trên sóng người đẹp tuyệt thế
phút chốc hóa thành thiên thần.

Tấm lòng son còn chói lọi trong bài "Kê minh
thập sách"

Lúc sống vì dân mà thác xuống vẫn phù hộ
dân.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

LẤY AI ĐỂ ĐUỔI GIẶC

Bùi Công Nghiệp quê làng Hàm Châu, nay là xã Đông Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông là người thông minh, học hành giỏi giang, ai biết tiếng cũng hết lời ca ngợi. Nhưng có điều, nhà ông nghèo quá, nên phải lặn lội lên tận Phú Lương dạy học.

Bấy giờ nước ta đang bị quân nhà Nguyên xâm lược. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật trên đường hành quân ra trận qua địa phận Phú Lương, gặp Bùi Công Nghiệp đi ở đường, binh lính vội quát hỏi:

- Tên kia sao không tránh đường?

Bùi Công Nghiệp nhìn thẳng vào mắt người lính và bảo:

- Chưa đuổi được giặc phương Bắc mà đã đuổi người nước Nam thì lấy ai để đuổi giặc?

Lính dẹp đường thấy thái độ ngênh ngang của ông thì tức giận trối gô ông lại rồi dẫn lên trình Trần Nhật Duật. Trần Nhật Duật sai cỡi trối và hỏi han lai lịch, thấy ông đối đáp thông minh lại giỏi về binh pháp thì lấy làm lạ và đối đãi rất tử tế, mời lên xe đưa về doanh trại, tiến cử lên vua Trần. Vua bèn phong ông làm tướng tham mưu trong quân đội của Chiêu Văn vương.

Quả nhiên, ông lập được nhiều công to, được phong tước Vĩnh Lâm Hầu.

Đời sau có thơ khen Bùi Công Nghiệp như sau:

*Tinh thần yêu nước thực là cao
Câu nói lại càng khảng khái sao
Thỏa chí tung hoành đi giết giặc
Gồm tài thao lược xứng phong hầu.*

*Mưu mô tướng giỏi đà vô địch
Phẩm chất nhà Nho đáng tự hào
Hào khí Thái Bình thêm rạng rỡ
Có phần đóng góp đất Hàm Châu.*

"ĐẦU THẦN CHƯA RƠI XUỐNG ĐẤT, XIN BỆ HẠ ĐỪNG LO"^(*)

Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất, Trần Thủ Độ đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bấy giờ thế giặc rất mạnh, nhà vua phải rút khỏi kinh thành Thăng Long, lui về giữ sông Thiên Mạc (Mạn Trù, Hưng Yên). Vua ngự trên chiếc thuyền nhỏ, cho gọi Thái úy Trần Hiệu đến hỏi kế sách chống giặc. Trần Hiệu lấy ngón tay nhúng xuống nước, viết lên mạn thuyền hai chữ "Nhập Tống". Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu, Nhật Hiệu đáp:

- Thần không gọi được chúng đến.

Nhà vua rất băn khoăn, liền cho vời Trần Thủ Độ⁽¹⁾ vào hỏi. Ông khẳng khái đáp:

- Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo.

Câu trả lời của ông đã giúp nhà vua và triều đình vững tâm. Trần Thủ Độ trở thành linh hồn

^(*) BS. đặt lại tên.

1. Trần Thủ Độ (1194-1264), người làng Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông là người có công sáng lập nên vương triều Trần.

của cuộc chiến đấu. Ông là người lãnh đạo cuộc phản công quyết liệt của giặc đánh vào Đông Bộ Đầu khiến chúng thất bại thảm hại và phải rút về nước.

*

* *

Trần Thủ Độ là người trung thực, hết lòng vì vương triều Trần. Khi Trần Thái Tông còn nhỏ, Trần Thủ Độ là người giúp vua cai quản việc

nước. Lúc ấy, có kẻ ghen ghét xin vào gặp Trần Thái Tông khóc mà nói rằng:

- Bệ hạ còn thơ ấu mà Trần Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao?

Nhà vua lập tức đưa người đó đến gặp Thủ Độ, nói:

- Trẫm biết thượng phụ chỉ có tấm lòng son vì nước chứ không có



bụng riêng nào. Vậy mà kẻ kia thấy thượng phụ nắm giữ mọi binh quyền, dám ngờ vực xằng bậy, tâu với trăm là thượng phụ chuyên quyền có thể không hay cho xã tắc. Đó là lời nói có hại đến nghĩa vua tôi và tình cảm chú cháu giữa thượng phụ và trăm.

Trần Thủ Độ trăm ngâm suy nghĩ rồi tâu:

- Đúng như những lời hấn nói. Thật quả có chuyên quyền. Thế mới biết trăm người vâng dạ không bằng một người nói thẳng. Trong triều duy chỉ có người này ngay thẳng, bạo dạn, dám nói những điều người khác chỉ dám nghĩ. Một triều đại muốn thịnh trị là phải khuyến khích người nói thật.

Nói xong xin phép vua lấy tiền thưởng cho người ấy.

*

* *

Sử sách vẫn còn ghi lại câu chuyện Trần Thủ Độ không vì tình riêng mà quên việc chung, làm sai luật pháp. Có lần, Trần Thị Dung - vợ của Trần Thủ Độ ngồi kiệu qua thêm cấm, bị quân hiệu ngăn lại. Trần Thị về khóc với Trần Thủ Độ:

- Ai ngờ mụ này là vợ ông mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế.

Trần Thủ Độ tức giận, cho người bắt người quân hiệu về để trị tội. Khi người quân hiệu ấy

đến, Trần Thủ Độ tra hỏi ngay và đã vỡ lẽ. Ông nói:

- Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa.

Một lần khác, Trần Thị Dung xin chồng cho một người họ hàng làm chức Câu đương (thu thuế ở xã). Trần Thủ Độ im lặng, sau đó cho gọi người ấy lên và bảo:

- Người vì công chúa (tức Trần Thị Dung) xin cho được làm Câu đương, không thể ví như những người khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với những người khác.

Kể đó sợ hãi kêu xin tha tội mãi, ông mới tha cho. Từ đó, không ai dám đến xin vì việc riêng nữa.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

HOÀNG ĐẠI LIỆU - TẤM GƯƠNG DŨNG CẢM^(*)

Có một ngôi đền cổ kính nằm trên một gò đất cao giữa đầm lầy Mã Yên Sơn. Đó là đền thờ người anh hùng phó tướng dân binh Hoàng Đại Liệu.

Tương truyền rằng, Đại Liệu ngay từ thuở thiếu thời vốn ít nói nhưng giàu lòng thương bạn. Có cái gì ăn, dù ít dù nhiều, Liệu cũng chia đều cho các bạn cùng tuổi. Cái gan của Liệu thật là to. Các bạn lên núi vào rừng hái củi, hái măng... có Liệu là yên trí, chẳng sợ gì.

Có một lần, vào đầu tháng chín, Liệu cùng các bạn vào rừng hái nấm hương. Năm ấy, thuận mưa, nấm hương ra nhiều, thơm lừng cả khu rừng. Cái nải xanh trên vai Liệu căng dần. Bỗng từ phía phải, bên kia gốc cây nghiêng già, các bạn kêu thét lên, biết có chuyện chẳng lành. Không chần chừ, Liệu quăng nải, rút dao lao về phía bạn đang kêu cứu. Một con rắn độc đang đuổi bạn Khấu. Mặt xám ngoét, bạn đang chạy vòng vào lẩn tránh qua các gốc cây. Mồm há hoác, con rắn

^(*) BS đặt lại tên.

lao theo môi, lưỡi thè ra, mép sùi bọt. Liệu gào lên:

- Cứ chạy như thế, đừng trèo lên cây, nó...

Liệu chạy bổ đến chém một nhát vào con trăn, đuôi nó rời khỏi thân. Bị chém bất ngờ, trong cơn đau điên dại, nó quay đầu bổ vào Liệu. Liệu chém một nhát nữa vào cổ nó. Con trăn văng ra rồi lại lao đến. Tại sao chém không đứt? Một câu hỏi lóe lên trong đầu Liệu. Vội quá, chém bằng sống dao rồi! Liệu chạy, con trăn đuổi theo. Liệu lẩn vào gốc cây to. Cái đầu đen sì của con trăn theo gốc cây trườn đến. Liệu chém một nhát bị trượt, lưỡi dao bập sâu vào thân cây, không bẫy ra được. Bỏ dao, Liệu vác hòn đá ném trúng cổ. Nó oằn lên rồi lại lao vào. Bí quá, Liệu chỉ kịp mở hai tay bóp chặt vào cổ nó. Con vật hung hãn quẩn quanh thân Liệu. Người và trăn lẫn tròn, tức thở quá, mắt hoa lên. Trong đầu Liệu chỉ có một ý nghĩ: Cứ bám chặt, buông ra là chết, cứ bóp, cứ bóp...

Liệu nghiêng chặt hai hàm răng, cũng may là con vật chỉ to hơn vòng tay của Liệu một chút, lại bị cụt đuôi, không lùa vào nách Liệu để cù được nữa. Máu ra nhiều, con trăn yếu dần. Các bạn đến, thấy Liệu và con trăn đang quẩn tròn lấy nhau, mỗi bạn một tay xúm vào gỡ trăn cho đến khi con vật chỉ còn lại khúc cổ đang nhỏ từng giọt máu, ngúng nguẩy trong tay Liệu.

- Vứt nó đi Liệu ơi, vứt nó đi! - Các bạn reo lên trong niềm vui chiến thắng.

Nhưng Liệu không sao buông ra được, ngón tay không duỗi ra được nữa, quặp chặt mãi vào cổ trăn. Liệu nhờ các bạn gỡ ra. Vuốt mãi, nắn bóp mãi, mười ngón tay mới dần dần cử động được. Quanh mình Liệu tím bầm từng vòng tròn.

Về đến cầu thang, mặt trời đã khuất, cậu nào cũng mệt rũ, đói meo, song vẫn vui như hội, trên vai mỗi cậu vác một khúc trăn còn tươi. Người già khen bọn trẻ giỏi. Bố Liệu mang mật gấu bóp cho con, bảo:

- Làm trai ở núi rừng, cái gan phải to, cái bụng phải sạch. Lấy cái gan mà cứu bạn, lấy trí khôn để vượt nạn thì đáng là con trai bố.

Hai hôm sau, Liệu cùng các bạn lùa trâu lên rừng trong tiếng ca của buổi sáng lộng gió rừng chỗ đầy mùi hoa thơm.

Đại Liệu đến tuổi trưởng thành, thì nước mất nhà tan, quê hương bị giặc tàn phá, cướp bóc, giết chóc. Anh đã cùng các bạn theo anh trai vào rừng giết giặc trả thù cho làng bản quê mình.

Liệu sống với đồng ngũ bằng cả tấm lòng thương yêu nồng thắm. Được suy tôn làm phó tướng, Liệu vẫn ăn theo miếng ăn của bạn nghĩa, cùng ngủ trong đồng lá khô, cùng tắm truồng và vật nhau với dân binh trên bờ suối. Ông định làm cái gì là làm bằng được, chết cũng làm. Có một lần, trẻ con trong hang lánh nạn, ốm chết vì đói muối. Máy lần chặn đánh giặc không cướp được hạt muối nào, Liệu xin đánh thành để lấy muối.

Chủ tướng chưa cho. Thế là ông rủ hai bạn nữa, trốn anh trai, phi ngựa lên thành Khâu Ôn, buộc ngựa trong rừng, vào thành giặc, giết tên lính gác, vào đến kho bị lộ, ông ở lại chặn giặc cho hai bạn vác muối rút ra. Ông rút sau cùng bị một nhát gươm chém xả bả vai trái. Tìm được lá thuốc rịt vào vết thương thì trời vừa sáng, ông phi ngựa về căn cứ. Tay phải ép chặt lên vết thương, tay trái ghì cương, chân vẫn kẹp chặt tải muối trên lưng ngựa. Về đến căn cứ, vì mất nhiều máu, ông kiệt sức, ngã ngựa ngất xỉu. Sau khi lành vết thương, ông bị chủ tướng phạt rất nặng. Ông chỉ cười rồi lại lao vào luyện quân. Ông hứa sẽ không bao giờ trái lệnh và từ đó, dù thế nào, ông cũng không phạm luật ba quân nữa.

Hoàng Đại Liệu được bộ chỉ huy nghĩa quân giao nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp chỉ huy một đội kỵ binh tinh nhuệ của dân binh phối hợp với kỵ binh của nghĩa quân chủ lực, chờ có lệnh trên núi Mã Yên, sẽ từ bìa rừng đại ngàn bắt thần xô ra xé nát đội hình giặc, cùng đại quân giết cho bằng được Liễu Thăng. Sáng sớm ngày mười tháng mười năm 1427, tin mật báo bay về trận địa mai phục như sau:

"Bị đội quân đánh dữ của ta chọc tức, không chịu được, máu nóng trào lên, Liễu Thăng ra lệnh hạ kiệu. Liễu Thăng truyền cho đại quân dừng lại, tự mình mặc áo giáp cưỡi ngựa vằn, cùng đoàn quân kỵ mở đường hòng tăng thêm sĩ khí

cho ba quân. Áo giáp của hắn đang trước đang sau đều chạm hổ phù vì vậy dân ta còn gọi Liễu Thăng là con hổ".

Súng lệnh nổ. Đại Liệu dẫn đầu cánh quân kỵ của ông lao vào đoàn quân đen đặc của giặc. Những lưỡi kiếm đỏ máu vung lên bổ xuống liên hồi. Giữa lúc đoàn kỵ mã của ông đang thừa thắng xốc tới, quân reo như sấm động cả một vùng thì Đại Liệu nhác thấy "con hổ" đang gò cương con ngựa vằn định tháo chạy.

- Nó đây rồi, anh em ơi! Giết! Giết! Giết!

Đại Liệu hét lên, phi ngựa tới đuổi sát Liễu Thăng. Ông cúi gập người, lia mũi kiếm chặt chân sau con ngựa vằn. Con tuấn mã đang phi nhanh bỗng bị mất vó, ngã lăn. Nhưng cũng nhanh như cắt, Liễu Thăng đứng phắt dậy, vung kiếm lên bổ vào đầu một nghĩa sĩ của ta. Nhanh như gió, Liệu vung kiếm lên bổ trúng đầu con hổ. Không ngờ lưỡi kiếm của ông lại chệch ra ngoài vì đúng lúc đó, một viên tướng hầu cận Liễu Thăng đã đâm trúng sườn ông. Đại Liệu né người vung lưỡi kiếm ngược lại phía sau, hạ thủ viên tiểu tướng giặc. Thừa cơ đó, Liễu Thăng đã chém trúng ngang lưng ông...

Về sau nhân dân đã lập đền thờ ông. Đó là đền Thôn Trung.

Theo *Kỳ tích Chi Lăng, Sđd*

PHU NHÂN DŨNG CẢM

Cuộc tử chiến diễn ra và kết thúc nhanh đến nỗi chính Đại Huệ cũng không lường trước được. Ông tra gươm vào vỏ, gò cương quay ngựa, phóng tầm mắt về phương nam, xác người, xác ngựa giặc nằm ngổn ngang, chồng đống suốt mấy dặm dài... Trong lòng ông bỗng dâng lên nỗi nhớ Úc Trai⁽¹⁾ đến cồn cào cả gan ruột. Ông nghĩ:

- Nhận được tin quân ta đã chém đầu viên hổ tướng lưng danh thiên triều này, chắc Bình Định vương⁽²⁾ và Úc Trai vui mừng khôn xiết. Bên tai Đại Huệ như vẫn còn vang lên tiếng nói thiết tha, da diết và xao động lòng người của Úc Trai thuở ấy...

Trời đất đã sinh ra sông núi hiểm yếu này giúp ta giữ gìn xã tắc. Nguyễn Trãi tiên sinh vẫn còn đó, Huệ và các nghĩa sĩ vẫn còn đây, kẻ thù đã phơi thây trên mảnh đất này.

1. *Úc Trai*: Túc Nguyễn Trãi (1380-1442), ông là nhà văn, nhà chính trị, nhà tư tưởng kiệt xuất của Việt Nam. Nguyễn Trãi quê làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Tây.

2. Bình Định vương: Túc Lê Lợi (1385-1433).

Con rắn độc khổng lồ đã bị đánh đòn thứ nhất giập đầu, đang quần quại. Hồi phó tướng Lương Minh, hồi Thôi Tụ đô đốc và cả tên Thượng thư Lý Khánh nữa, chúng bay còn nắm trong tay hơn tám vạn tinh binh nữa, cứ dẫn xác về đây, đất này đang chờ đón.

Đại Huệ truyền lệnh thu quân, chuẩn bị cho trận đánh mới.

Trong rừng sâu, nơi ông hội quân sau trận đánh, các nghĩa sĩ tung hô ông, bà con làng bản từ trong hậu cứ khe sâu, hang động kìn kìn từ mọi nẻo đổ về, hò hét vang rừng, vẫy chào ông và các nghĩa sĩ dân binh thân yêu của họ, nào gánh, nào mang vác ra đủ thứ bánh, thịt rượu để khao quân.

Từ trong đám đông dân bản, Đại Huệ đã nhận ra ngay người vợ hiền đôn hậu của ông, bà đang dẫn đầu các bà, các chị chia bánh, chia thịt cho các nghĩa sĩ, khuôn mặt tròn, đôi mắt to đen, lúc nào cũng ánh lên những tia sáng bao dung, hiền dịu. Những giọt mồ hôi chảy tràn, lấp lánh trên trán, trên má xuống cằm, chốc chốc bà lại nghiêng mặt, kín đáo gạt nhẹ những giọt mồ hôi trên cằm, bằng cánh tay áo chàm xù sỏ. Tay bà vẫn thoăn thoắt trao cho các nghĩa sĩ hết dậu⁽¹⁾ bánh này đến dậu bánh khác. Lo cho các nghĩa sĩ xong một lượt, bà bước tới ông, mặc dù sắp đến

1. "Dậu" giống như cái bồ nhỏ có hai quai dùng gánh thóc, ngô, đỗ hoặc xôi thịt, bánh trái đi đường xa.

ngày ở cũ, bà vẫn đi nhẹ nhàng, nhanh nhẹn và chắc chắn, chiếc khăn chàm trên đầu bay bay, tay phải cầm bánh, tay trái cầm gói thịt nai nướng còn thơm mùi "Kinh sa"⁽¹⁾. Bà nhìn chồng mỉm cười... Cầm trong tay chiếc bánh "Cốc mò"⁽²⁾ và gói thịt còn nóng ấm của vợ trao cho, lòng Đại Huệ bỗng tràn dâng một tình thương da diết, ông lựa lời khuyên vợ:

- Nhà sắp ở cũ rồi, nên lui sâu vào cứ thôi, việc quân biến hóa bất kỳ, tôi e lúc đó, nhà rút không kịp...

- Ông cứ bình tâm cùng anh em lo việc đại sự, việc bà con chị em tôi là nhỏ mọn, có sá gì. Tôi khắc lo được.

Đúng lúc ấy có tin cấp báo: Phó tướng Lương Minh, sau cơn hoảng loạn, đã củng cố đội ngũ, khích lệ tướng sĩ, bắt đầu ra quân.

Đại Huệ truyền lệnh và tự mình bố trận bày binh. Cùng lúc, ông tung thêm thám tử lên mạn bắc nắm tình hình giặc và cử người phi ngựa về trạm nam cấp báo tình hình cho bộ chỉ huy tối cao.

1. "Kinh sa": Một loại gừng hoang, mọc trên núi đá cao, dùng làm thuốc, đặc biệt là ướp thịt hoặc làm nước chấm rất ngon. Loại gừng này không trồng ở nương bãi, đồi núi đất được.

2. "Cốc mò": là thứ bánh giống như chiếc sừng bò gói bằng nếp cái, nhân lạc hoặc đỗ, dùng cho người đi đường xa, để được lâu, ăn ngon.

Tuy đã bị một đòn phủ đầu sấm sét nhưng vốn ngông nghênh và ngạo mạn, ý thế đông, chúng đẩy vào lưng nhau, từ Ai Lưu tràn xuống như lũ thác bầy. Vừa chạm chân đến đất Quang Lang, cả một đạo quân khổng lồ khựng lại như dòng thác gặp tảng đá to bầy hất lên cao những cột nước lớn đổ xuống tung tóe ra tứ phương, ấy là lúc những đội kỵ binh áo đỏ bất thần từ khe dọc, rừng sâu ào ra như cơn lốc, băm nát đội hình địch như ta chặt khúc rần, một phát pháo lệnh từ đỉnh núi cao ầm vang, tức thì mặt đất rung chuyển, quân mai phục của ta như có phép lạ, từ dưới đất hiện lên, những đường gươm sáng lòe.

Trận tử chiến giáp lá cà suốt từ nửa buổi sáng đến xế chiều ngày mười hai tháng mười mà cả một đạo quân ngót chục vạn tinh binh chưa qua nổi đất Quang Lang. Đến đây nhiệm vụ chặn đánh, cản bước tiến, tiêu hao sinh lực địch của Đại Huệ và nghĩa sĩ của ông đã hoàn thành xuất sắc. Ông truyền mật lệnh lui quân để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị trận đánh cuối cùng nay mai quét sạch giặc thù. Đúng lúc đó, ông nhận được tin cấp báo:

- Đội hậu cần cuối cùng của ta chưa kịp rút đã bị một đạo quân tiên phong của giặc bao vây ở khu rừng phía tây Làng Chung.

Nghe xong tin, đầu Đại Huệ như có lửa đốt, tim ông nhói đau. Trực tiếp chỉ huy các mũi rút lui an toàn, thừa lúc địch đang bàng hoàng, ông dẫn đội cảm tử lao vào phá vòng vây giặc.

Bên gốc cây kháo cổ thụ, người vợ hiền của ông đang tựa vào thế thủ, tay phải cầm thanh gươm vung lên, vết thương do kẻ thù chém vào vai trái bà đang chảy máu. Bà nhìn ông, mắt sáng long lanh, nén cơn đau của vết thương, mỉm cười.

Đại Huệ xốc vợ lên vai, rút tấm ván nắp hầm đột thổ che sau lưng bà làm lá chắn đề phòng giặc đâm thương từ phía sau, phốc lên mình con chiến mã, chỉ huy đội quân cảm tử lao thẳng vào vòng vây trùng điệp của quân thù đưa đội quân hậu cần gồm những nữ binh thân thiết của ông rút lui an toàn.

- Nhà có đau lắm không?

- Tôi không đau, nhưng mệt, chỉ tiếc là làm bận tâm ông và không giúp thêm ông được đường gươm hiểm lúc này...

Đến đỉnh Đèo Ý, Đại Huệ truyền lệnh dừng chân nghỉ sức. Các nghĩa sĩ lao đến đỡ ông xuống ngựa, những vòng dây buộc được tháo ra. Trái tim yêu thương và quả cảm của người vợ hiền yêu quý của ông đã ngừng đập...

Đại Huệ nấc lên, mắt hoa, tai như không còn nghe được gì nữa, lòng đau thắt, chân tay tê dại... Vẳng đâu đây vẫn còn vang lên tiếng nói cuối cùng của người vợ hiền yêu dấu:

- Tôi không đau, nhưng mệt, chỉ tiếc...

Các nghĩa sĩ cùng nấc lên, họ dìu ông xuống dòng suối, ngâm hai bàn tay khô cứng máu thù xuống nước mát quê hương. Các nghĩa sĩ nhẹ

nhàng vuốt từng ngón tay đã tê cứng của ông sau một ngày vung gươm chém giặc, rồi gỡ hai thanh kiếm ra khỏi tay ông...

Các nữ nghĩa sĩ cũng đang làm việc ấy cho vợ ông, đôi bàn tay dịu dàng của họ đang vuốt mắt cho bà, đặt thanh kiếm nằm bên cạnh bà, đưa bà lên đỉnh đèo cao Pắc Piêng, nơi người liệt nữ quê hương an giấc ngàn năm...

Hơn năm thế kỷ qua rồi, thế mà hôm nay, mỗi lần về lại xóm Động Mồ⁽¹⁾, vượt đèo Ý lên đỉnh Pắc Piêng, cắm nén hương trên miếu thờ bà Đại Huệ, chẳng ai không kính cẩn nghiêng mình trước tấm gương chiến đấu sáng ngời ấy và hẳn là lòng sẽ tràn dâng niềm tự hào vô hạn...

Theo *Ký tích Chi Lăng, Sđd.*

1. *Động Mồ*: Theo tiếng dân tộc địa phương, động là rừng, mồ là mả, nghĩa là rừng mồ mả. Trước đây, chính xóm Động Mồ, xã Quang Lang ngày nay, xác giặc Minh chết chồng đồng lên nhau dưới lưỡi gươm của Đại Huệ và các nghĩa sĩ của ông.

CHUYỆN TƯỚNG QUÂN LÊ TÂN

Khi biết quân Mông Cổ sẽ men theo sông Hồng tràn vào xâm lược nước ta, đầu năm 1258, chính vua Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông) điều quân bố trí lực lượng nghênh chiến với giặc Mông ở Bình Lệ Nguyên (phía nam Phú Thọ ngày nay).

Đây là cuộc chạm trán rất gay go giữa quân dân ta với một đội quân thiện chiến, hung hãn bậc nhất. Trong tình thế quyết liệt ấy, có một người dám can đảm khuyên can vua hãy rút quân! Ông chính là tướng quân Lê Tân.

Bình Lệ Nguyên là vùng trung du, nơi mà quân Mông Cổ có thể phát huy khả năng đánh nhanh, thắng nhanh bằng tài cung tên thiện nghệ. Trong khi quân ta dồn toàn lực ứng chiến trên địa bàn mà ta không có ưu thế, nếu chạm trán trực tiếp với quân giặc, phần thắng chắc chắn không thể thuộc về ta.

Dù đích thân vua Trần Cảnh cầm quân và khẩn trương đồn đốc tướng lĩnh tại chiến trường, song không phải không có người thực lòng nao

núng. Nhưng chưa ai có kế sách nào hay hơn. Lê Tần, một mình một ngựa xem xét trận địa xong liền đến bên vua Trần Cảnh tâu rằng:

- Hạ thần biết quyết tâm của bệ hạ là quyết chiến với giặc Mông tại đây. Song hạ thần xin thưa, nếu bệ hạ làm như vậy chẳng khác gì ta dốc hết túi tiền cho một canh bạc mà chưa rõ được thua. Theo hạ thần nghĩ, nơi này giặc có lợi thế hơn ta. Vậy chúng ta nên tạm lánh chúng ở chốn này, để bảo toàn lực lượng. Đợi đến khi chúng lọt vào trận địa ta dành cho chúng, lúc ấy ta quyết chiến với chúng một phen, chắc chắn phần thắng thuộc về ta.

Vua Trần Cảnh lắng nghe, suy nghĩ và họp các tướng lĩnh lại ra lệnh rút quân về đóng ở sông Lô.

Trên đường rút quân, Lê Tần luôn ở cạnh vua Trần Cảnh, vừa bảo vệ vua vừa đề xuất mưu kế chống giặc.

Quân Mông Cổ định đánh nhanh, thắng nhanh, tìm bắt vua Trần. Quân ta tránh đụng độ với giặc Mông. Triều Trần rời Thăng Long về Thiên Mạc (Duy Tiên, Hà Nam). Quân Mông Cổ tràn vào Thăng Long, thấy kinh thành trống không, sứ giả của chúng bị trói nhốt trong ngục. Lương thực cạn, tinh thần chúng chuyển từ một mối đến nao núng.

Quân Mông Cổ bị đánh bật ra khỏi kinh thành Thăng Long, chạy ngược sông Hồng về Đại Lý (Vân Nam, Trung Quốc). Trên đường rút chạy,

chúng bị dân binh ta truy kích ở nhiều nơi như Cổ Sở, Hà Tây, Quy Hóa...

Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất của nhân dân ta toàn thắng. Đây là chiến công của toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của vua quan triều Trần. Trong đó, phải kể đến công lao và lòng dũng cảm, mưu lược của tướng quân Lê Tần.

Trong lễ mừng công chiến thắng quân Mông Cổ vào mùa xuân năm 1258, vua Trần Cảnh đã tuyên dương tướng quân Lê Tần trước triều Trần: "Nếu không có khanh thì trăm làm sao có được ngày hôm nay. Khanh hãy cố gắng để được trọn vẹn mãi".

GIÁO ĐÂM VÀO ĐÙI VẪN KHÔNG BIẾT^(*)

Một lần Hưng Đạo Vương đưa quân đi tập trận qua làng Phù Ủng. Quân lính nuồm nườm kéo đi như thác đổ, tiếng hét tránh đường vang lên ồn ã nhưng có một thanh niên đàn sọt vẫn điềm nhiên ngồi bên đường, như không hề biết có đoàn quân đang đi ngang qua. Một người lính bực tức, lấy giáo đâm vào đùi anh ta, nhưng thật kỳ lạ, con người đó hình như chẳng biết đau, vẫn xếp bằng đàn sọt, mặc cho mọi người la hét.

Nghe tiếng ồn ỹ, Hưng Đạo Vương định sai một viên quan hầu cận lên xem việc gì đang xảy ra, thì tướng Nguyễn Chế Nghĩa đã tiến lại trước mặt ông, cúi đầu thưa:

- Trình Đức ông, dân chúng đều dẹp sang hai bên nhường đường cho quân đi, riêng có một chàng trai vẫn ngồi xếp bằng tròn đàn sọt. Quân lính hét mãi không tránh, liên đâm mũi giáo vào đùi mà người ấy vẫn ngồi im.

Trần Hưng Đạo thấy sự lạ liền xuống voi đến trước mặt chàng trai.

(*) BS. đặt lại tên.

Hưng Đạo Vương thấy người này ước chừng hai mươi tuổi, đầu trần, áo rách nhưng khuôn mặt rất khôi ngô. Một bên đùi bị giáo đâm đang chảy máu nhưng anh ta vẫn ngồi đan sọt. Hưng Đạo Vương cất giọng hỏi:

- Người quê ở đâu, bị giáo đâm thế không biết đau hay sao mà ngồi im thế?

Người đó ngược lên, thấy một vị tướng đã đứng tuổi, cằm vuông mắt sáng, chòm râu đen, nét mặt hồng hào, dáng uy nghi nhưng vẫn lộ rõ vẻ hiền từ, liền vòng tay thi lễ và kính cẩn thưa:

- Thưa Đức ông, thần họ Phạm, tên Ngũ Lão⁽¹⁾, quê ở Phù Ủng, châu Thượng Hồng. Nhà nghèo, ruộng không có, phải làm nghề đan sọt nuôi mẹ già. Thần mãi nghĩ mấy câu trong bình thư nên không biết có quân của Đức ông qua đây, xin Đức ông xá tội.

Thấy dáng vẻ và khẩu khí của Phạm Ngũ Lão rất đường hoàng, Trần Hưng Đạo liền sai người lấy thuốc đắp vết thương cho Phạm Ngũ Lão rồi nói:

- Hẳn nhà người đã nghe tin quân Nguyên Mông sắp tiến vào Đại Việt, trai tráng cả nước đang nô nức luyện tập võ nghệ, rèn thêm vũ khí chứ?

1. Phạm Ngũ Lão (1255-1320), người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, Hải Dương (nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên)

Phạm Ngũ Lão thưa:

- Trình Đức ông, thần tuy ở nơi thôn dã song cũng biết giặc Nguyên Mông lấn lẹ tiến vào nên đã cùng trai tráng trong vùng luyện tập võ nghệ chờ thời cơ đầu quân.



Hưng Đạo Vương nhìn thấy trong một chiếc sọt có quyển sách liền hỏi đó là sách gì. Phạm Ngũ Lão kính cẩn dâng lên. Vương hỏi về binh thư, không ngờ Phạm Ngũ Lão trả lời rành rọt

mọi vấn đề về cách dùng binh, binh chỉ cần tinh chứ không cần nhiều. Hưng Đạo mừng rỡ, nói:

- Người có chí lớn, ta rất mừng. Hiện ta đang chiêu mộ quân lính, kén chọn tướng tài. Ta muốn người về Vạn Kiếp giúp ta huấn luyện quân lính, người thấy thế nào?

Phạm Ngũ Lão vui mừng song không đi ngay mà nói:

- Trình Đức ông, thần rất muốn đầu quân nhưng còn mẹ già, thần xin phép về thưa lại với mẹ thần đã.

Hưng Đạo Vương xúc động nói:

- Ta tin rằng mẹ người ắt sẽ vui mừng cho người đầu quân giết giặc. Người cứ về thưa lại rồi tới Vạn Kiếp cũng chưa muộn.

Sau một thời gian, Phạm Ngũ Lão đến quân doanh của Trần Hưng Đạo huấn luyện quân sĩ và ông được nhà vua cho coi quân cấm vệ, làm nhiệm vụ bảo vệ vua và cấm thành. Vua Trần phong cho ông chức Điện súy Thượng tướng quân, cho lập phủ đệ ngay trong vương cung.

Chính sử chép, trong hai cuộc chiến đấu chống quân Nguyên, Phạm Ngũ Lão đã lập được nhiều chiến công ở Tây Kết, Vạn Kiếp, Bạch Đằng, và được phong đến chức Kim Nghiêu đại tướng quân.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

"NẾU BỆ HẠ MUỐN HÀNG, XIN HÃY CHÉM ĐẦU THẦN TRƯỚC"



Tương truyền, khi Trần Hưng Đạo⁽¹⁾ mới sinh ra, một viên thầy bói đã bảo với Trần Liễu - cha của Trần Hưng Đạo: "Người này ngày sau có thể cứu nước giúp đời". Lời nói của viên thầy bói ấy quả nhiên sau này đã trở thành sự thực.

Vốn An Sinh vương Trần Liễu là anh ruột của vua Trần Thái Tông. Bấy giờ, do hoàng hậu Chiêu Thánh không có con nên vua Trần Thái Tông lúc đó còn ít tuổi, bắt buộc phải theo sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, lấy chị dâu là công chúa Thuận Thiên, vợ của Trần Liễu khi ấy đang mang thai.

1. Trần Hưng Đạo (1232?-1300) tên thật là Trần Quốc Tuấn. Ông quê ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Trần Liễu vì không thể đánh trả Trần Thủ Độ, đành phải nhờ vào sự che chở của người em đã lấy vợ mình là vua Trần Thái Tông, nhưng Trần Liễu vẫn ôm mối hận trong lòng. Bởi thế, khi sắp qua đời, ông cầm tay Trần Hưng Đạo trắng trối:

- Nếu con không vì cha mà lấy được thiên hạ thì dù có chết cha cũng không nhắm mắt được.

Trần Hưng Đạo vâng dạ nhận lời trắng trối của người cha. Mối thù năm xưa của Trần Liễu gửi gắm nơi ông khiến Trần Hưng Đạo cảm thấy nặng lòng. Ông suy nghĩ rất nhiều về lời trắng trối của người cha quá cố nhưng ông không cho lời cha là phải, dù Trần Liễu là ngành trưởng. Lúc này, nước Đại Việt đang bị giặc Nguyên Mông đe dọa. Ông được nhà vua giao cho trọng trách lớn, lẽ nào ông lại vì quyền lợi cá nhân của gia tộc mà tranh giành, gây hại cho đất nước.

Có lần, Trần Hưng Đạo đem chuyện này ra hỏi con cả Quốc Hiến về chuyện xích mích ngày xưa giữa hai anh em Trần Thái Tông và Trần Liễu; ám chỉ về việc giành lại ngôi báu và trả thù việc Trần Thái Tông lấy vợ của Trần Liễu. Quốc Hiến trả lời:

- Dầu họ khác cũng còn không nên, huống chi là người cùng họ.

Một lần khác, Trần Hưng Đạo lại đem việc này ra dò hỏi ý của người con thứ là Quốc Tảng. Trần Quốc Tảng thưa:

- Tống Thái tổ vốn là một ông lão làm ruộng đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.

Trần Hưng Đạo rút gươm kể tội Quốc Tử và quát:

- Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra.

Và ông định rút gươm chém Quốc Tử. Quốc Hiến vội chạy đến khóc lóc xin tha tội cho em, van xin mãi Trần Hưng Đạo mới bớt giận. Ông nói:

- Sau khi ta chết, hãy nắp quan tài rồi mới cho Quốc Tử vào viếng.

Có chuyện kể, khi ông đưa hai vua Trần đi lánh nạn, ông dùng gậy sắt để chống. Vốn trong triều, mọi người vẫn ngầm nhớ tới câu chuyện nhà vua lấy vợ của Trần Liễu, cha của Trần Hưng Đạo nên có ý ngờ ông sẽ ra tay bằng cây gậy sắt này khi đi cùng nhà vua. Để tránh sự nghi ngờ đó, ông lặng lẽ vứt cây gậy sắt ấy đi.

Lúc ấy, ông và Trần Quang Khải, hoàng tử con vua Trần Thái Tông đều được giao trọng trách nặng nề trong việc lãnh đạo triều đình chống quân Nguyên. Tuy nhiên, Hưng Đạo vẫn cảm thấy trong thâm tâm, ông chưa hòa hợp thực sự với Trần Quang Khải, dường như giữa họ vẫn có một khoảng cách vô hình vì mối thù giữa hai người cha của họ xưa kia. Trần Hưng Đạo hiểu rằng điều này thực sự nguy hiểm khi không có sự đồng lòng thật sự giữa hai con người giữ các trọng trách nặng nề trước vận mệnh của dân tộc. Vì vậy ông quyết phải phá bỏ được cái ranh giới vô hình

đang tồn tại giữa hai người, một người giữ cương vị Thái sư, một người giữ cương vị Quốc công tiết chế.

Một hôm, Trần Hưng Đạo từ Vạn Kiếp về, mời thái sư Trần Quang Khải xuống thuyền của ông đánh cờ. Ông sai nấu nước thơm, mời Trần Quang Khải tắm và tự tay múc nước thơm gội cho Quang Khải. Ông nói:

- Chẳng mấy khi được hầu tắm cho thái sư.

Từ đấy, tình nghĩa của hai người ngày càng đậm đà, thân thiết. Một lần khác, vua Thái Tông triệu Trần Hưng Đạo vào, có ý muốn phong ông làm Tư đồ thân để tiếp sứ thần phương Bắc. Ông thưa:

- Việc ứng tiếp sứ thần phương Bắc thần không dám chối, còn việc phong Tư đồ, thần không dám vâng mệnh. Hơn nữa quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bề hạ lại tự phong chức thì sợ có điều chưa ổn, đợi khi xa giá về lúc ấy vâng mệnh cũng chưa muộn.

Tấm lòng của ông dần dần được các vương hầu trong triều hiểu rõ. Bởi thế, mọi người đều đồng tâm nhất trí tuân theo mệnh lệnh của ông và đó cũng là một trong những nhân tố dẫn đến sự thắng lợi của vương triều Trần.

Năm 1281, nhà Nguyên sai sứ là Sài Xuân sang nước ta. Xuân tỏ ra kiêu ngạo, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, quân sĩ ở Thiên Trường ngăn lại, Xuân lấy gậy đánh vào đầu họ

chảy máu. Đến điện Tập Hiền, thấy màn trướng căng ra, Xuân mới xuống ngựa. Vua Trần sai Trần Quang Khải đến quán tiếp đãi, Xuân vẫn nằm không buồn dậy, không chịu ra tiếp.

Nghe tin sứ Nguyên vô lễ, Trần Hưng Đạo xin nhà vua cho mình ra tiếp sứ giả nhà Nguyên. Ông quyết định sẽ đến quán xem sứ Nguyên làm gì. Ông liền cạo đầu, mặc áo vải đóng giả một hòa thượng ở phương Bắc. Thấy hòa thượng này, bất giác Xuân đứng dậy vái chào mời ngồi. Khi mọi người đã yên vị, người theo hầu Xuân lấy cái tên chọc vào đầu Trần Hưng Đạo chảy máu, sắc mặt ông vẫn như không. Khi Trần Hưng Đạo đóng giả nhà sư ra về, Xuân tiễn đến tận cửa. Sau lần gặp gỡ ấy, Trần Hưng Đạo đã hiểu được một phần ý đồ của viên sứ giả nhà Nguyên.

Năm 1285, quân Nguyên ồ ạt tiến vào nước ta. Thế giặc khi ấy rất mạnh. Trần Hưng Đạo chủ trương "bỏ vườn không nhà trống" đưa nhà vua đi lánh giặc để bảo toàn lực lượng và chờ thời cơ. Khi ấy, vua Trần Nhân Tông triệu Trần Hưng Đạo đến và nói:

- Kẻ thù rất mạnh, ta e chiến tranh kéo dài sẽ làm đất nước tổn hại. Hay là ta đầu hàng để cứu dân.

Trần Hưng Đạo khẳng khái trả lời:

- Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã.

Để đánh thắng quân Nguyên, muốn luyện binh tốt và khích lệ tinh thần binh sĩ, ông đã viết *Binh gia yếu lược*. Từng đoạn, từng câu, từng chữ trong bài hịch của ông đã khiến tướng sĩ như được khích lệ:

"Ta từng tới bữa quên ăn, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ cảm tức chưa được xả thịt lột da quân giặc, dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng". Và ông đã đưa ra những lời dẫn dụ về quyền lợi của binh sĩ gắn với sự tồn vong của vương triều, của đất nước. Quân sĩ đã nghe theo lời dạy của ông, đều thích vào tay hai chữ "sát thát".

Mùa hè năm đó, trời nóng như thiêu. Quân Nguyên bị ốm đau bệnh tật, vừa mệt mỏi vừa thiếu thốn lương thực nên tinh thần ngày càng trở nên sa sút. Trong khi đó quân đội nhà Trần vẫn bảo toàn được lực lượng và chuẩn bị phản công.

Dưới sự chỉ huy của Trần Hưng Đạo, quân Nguyên bị đại bại ở phủ Trường Nguyên. Nhà vua cùng ông kéo quân về bến Đại Mang và áp dụng chiến thuật tấn công tổng lực. Ông mở cuộc phản công dữ dội vào toàn bộ hệ thống đồn trại của giặc trên sông Hồng và đích thân chỉ huy trận đánh lấy lại kinh đô Thăng Long. Quân đội nhà Trần đánh bại quân của Toa Đô ở Tây Kết. Sau đó đích

thân Trần Hưng Đạo đuổi theo đánh úp Thoát Hoan ở Vạn Kiếp. Chiến công nối tiếp chiến công. Chiến thắng ở Chương Dương, Hàm Tử và Tây Kết cộng với việc Toa Đô bị chém đầu khiến Thoát Hoan hoảng sợ, phải chui vào ống đồng để trốn về nước.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

"THÀ LÀM QUỶ NƯỚC NAM HƠN LÀM VUA NƯỚC BẮC"(*)

Trần Bình Trọng (1259-1285) thuộc dòng dõi Lê Đại Hành, từ nhỏ Trần Bình Trọng đã gắn với Thăng Long và hoàng tộc nhà Trần.

Cha Trần Bình Trọng là Lê Tần, vị tướng có công bảo vệ vua Trần Thái Tông trong trận giáp chiến với giặc Nguyên nên được đổi ra là Lê Phụ Trần, rồi được lấy họ Trần.

Mẹ Trần Bình Trọng là Chiêu Thánh công chúa, đã từng làm vua, tức là Lý Chiêu Hoàng, sau đó làm vợ vua Trần Thái Tông, rồi bị giáng chức, không chết chồng mà góa bụa một thời gian theo sự sắp đặt của Trần Thủ Độ nhằm tìm người nối dõi nhà Trần. Sau này, Trần Thái Tông đứng ra tác hợp cho Chiêu Thánh lấy Lê Phụ Trần. Hai người chính là cha mẹ của Trần Bình Trọng.

Trần Bình Trọng lớn lên, được phong tước Bảo Nghĩa công, trực tiếp chiến đấu chống giặc. Năm 1285, quân Nguyên tràn xuống, chiếm giữ Thăng Long, vua Trần và các tướng phải chạy ra Hải Dương. Trần Bình Trọng nhận nhiệm vụ ở lại

(*) BS. đặt lại tên.

Thiên Trường chặn giặc. Ngày 21 tháng giêng năm đó (Ất Dậu 1285) ông bị giặc bắt. Chúng dụ ông đầu hàng, hứa hẹn sẽ phong cho ông tước vương. Ông khảng khái trả lời:

- Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt, thì chỉ có một chết mà thôi, can gì mà phải hời hợt.

Giặc giết chết ông, khi ông mới hai mươi sáu tuổi. Sau này Phan Kế Bính có làm bài thơ ca ngợi ông:

Giỏi thay Trần Bình Trọng

Dòng dõi Lê Đại Hành

Đánh giặc dư tài mạnh

Thờ vua một tiết trinh.

Bắc vương sống mà nhục

Nam quỷ thác cũng vinh.

Cứng cỏi lời trung liệt

Nghìn thu tỏ đại danh.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

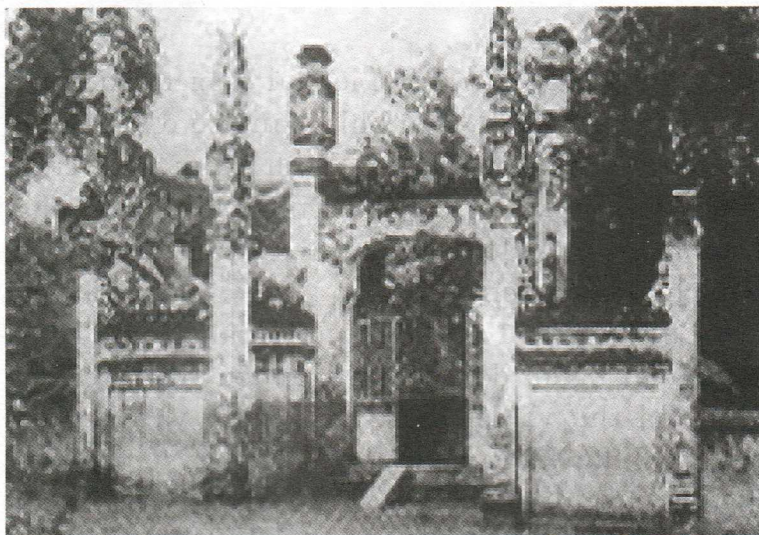
VỊ SỨ GIẢ DŨNG CẢM

Năm 1285, Hốt Tất Liệt lại đem quân sang xâm chiếm nước ta. Sau khi kháng cự ở biên giới, quân dân nhà Trần rút về Bình Than. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã xảy ra trên phòng tuyến sông Đuống và sông Hồng. Quân nhà Trần dùng pháo bắn chặn bước tiến của giặc.

Chiều ngày 17-2-1285, vua Trần Nhân Tông muốn sai người đến doanh trại tên tướng Ô Mã Nhi đưa thư vờ cầu hòa, hoãn binh và điều tra tình hình lực lượng của giặc. Việc phái sứ đến trại giặc là một việc đầy nguy hiểm, rất khó bảo toàn tính mạng, vì quân giặc đang hung hăng, ỷ thế nước lớn, nên rất dễ bắt giết sứ giả. Việc giả vờ cầu hòa rất khó khăn phải sao cho trôi chảy, có đường rút, đồng thời, dò la được tình hình lực lượng của địch, âm mưu và chiến lược tiến công của chúng. Đỗ Khắc Chung⁽¹⁾ lúc đó làm Chi cục hậu thủ đã tâu với vua:

- Thần là kẻ không có tài gì nhưng xin được đi.

1. Đỗ Khắc Chung (1247-1330) người làng Cam Lộ, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hưng Yên.



Cổng Đền thờ Đổ Khắc Chung

ở xã Sơn Đông, Lập Thạch

Nhà vua sai viết thư cầu hòa, đưa cho Khắc Chung mang đến doanh trại quân Nguyên gặp tướng Ô Mã Nhi. Sau khi khám xét kỹ càng, Khắc Chung được đưa vào trung quân.

Lại nói Ô Mã Nhi, trên đường tiến quân từ Bình Than về sông Đuống, đã bắt được một số binh lính của quân ta. Thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát" bằng mực vào cánh tay, Ô Mã

Nhi tức lắm và đã giết hại nhiều người. Khi gặp Khắc Chung đến xin cầu hòa, tướng giặc quát:

- Vua nước người vô lễ, dám sai lính thích chữ "Sát Thát", khinh nhờn quân thiên triều, lỗi ấy là to lắm, sao có thể tha được!

Khắc Chung bình tĩnh đáp:

- Chó trong nhà cắn người lạ vì không phải là chủ nó. Do lòng trung thành, những người lính của nước tôi, tự thích lấy những chữ đó. Quốc vương tôi có biết đâu. Tôi là kẻ hầu ở gần vua, sao việc ấy lại không có?

Nói rồi Khắc Chung vén tay áo lên cho Ô Mã Nhi xem, hai cánh tay đều không có chữ nào cả.

Ô Mã Nhi hống hách nói:

- Đại quân ta từ xa kéo đến đây, nước người sao không trở ngược giáo để đến ra mắt mà lại chống cự lại mệnh lệnh? Định làm bộ ngựa chống xe chẳng?

Khắc Chung bình tĩnh nói:

- Hiền tướng không theo kế sách của Hàn Tín bình nước Yên khi xưa, đóng quân ở đầu địa giới, đưa thư tín trước, nếu không chịu hòa hiếu mới là có lỗi. Nay tướng quân đem quân bức nhau, như người ta nói: "Muông cùng thì phải đánh lại, chim cùng thì phải mổ lại", huống chi là người nước Nam tôi.

Ô Mã Nhi đe dọa:

- Đại quân của ta chỉ mượn đường nước người đi đánh Chiêm Thành. Vua nước người nếu đến

gặp ta thì trong cõi yên ổn, không xâm phạm mảy may, nếu cứ cố chấp thì trong khoảng giây phút, núi sông nước người sẽ thành đất bằng, vua tôi nhà người sẽ thành cỏ mục!

Lời đe dọa của tên tướng giặc không đe dọa nổi Khắc Chung. Ông tranh thủ thời gian ở trong trại giặc, quan sát cách bố phòng của chúng.

Sau cuộc đối đáp với Khắc Chung, Ô Mã Nhi nói với các tướng dưới trướng:

- Người này đương lúc bị uy lực áp chế mà lời nói, sắc mặt vẫn tự nhiên, không hạ thấp chủ nó làm Chích, không nịnh hót ta làm Nghiêu, nước nó có người giỏi, chưa dễ đánh lấy được.

Sau khi sứ nhà Trần trở về doanh trại, Ô Mã Nhi nghĩ lại, thấy hối hận vì đã thả Khắc Chung, cho quân đuổi theo, nhưng Khắc Chung đã đi xa rồi.

Theo *Dã sử Thăng Long - Hà Nội, Sđd.*

TRẦN QUỐC TOẢN BÓP NÁT TRÁI CAM^(*)

I

Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản vừa có một giấc mơ thú vị. Chàng mê thấy chính tay mình bắt sống được Sài Thung, tên sứ giả hống hách của nhà Nguyên, khinh nước Nam bằng nửa con mắt.

Tháng trước, Sài Thung sang sứ, tỵ tiện qua Tử cấm thành, ngang nhiên cuội ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh. Lính canh cửa ngăn lại thì Thung cầm roi ngựa quất túi bụi vào đầu người lính. Nó ỷ thế là quan nước lớn, chễm chệ ngồi ở quán sứ như ở nhà nó không bằng. Thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải là bậc đại thần to nhất nước, đến quán sứ xin yết kiến. Sài Thung nằm trên giường, không thèm tiếp vị tể tướng của ta. Rồi nó bắt quan gia⁽¹⁾ phải sang châu Hốt Tất Liệt⁽²⁾. Nó đòi ta phải cống bạc vàng, châu báu, đòi phải nộp người có tài khéo

(*) Đầu đề do BS. đặt lại.

1. *Quan gia*: Tiếng dùng để gọi vua nhà Trần.

2. *Hốt Tất Liệt*: Vua nhà Nguyên.

nghề tinh. Ai nấy đều bầm gan tím ruột. Nhưng vì không muốn để xảy ra chuyện can qua⁽¹⁾ nên ai nấy đành nuốt cay ngậm đắng. Hoài Văn thì không chịu được. Hoài Văn chỉ nghĩ làm sao bắt được Sài Thung mà chẻ xác nó ra...

Hoài Văn bắt được nó mà từ quan gia đến triều đình đều không ai biết. Hầu trời nó lại, đập roi ngựa lên đầu nó, và quát lớn:

- Mày có còn dám đánh người chúng tao nữa không? Đừng có khinh nước Nam tao bé nhỏ!

Sài Thung lạy Hoài Văn như tế sao. Hoài Văn đóng cũi giải nó về kinh. Thấy nó khóc lóc, Hoài Văn ôm bụng cười sằng sặc. Giữa lúc ấy thì chàng bừng tỉnh giấc. Chàng không thấy Sài Thung đâu cả, chỉ thấy mình vẫn nằm trong điện Lan Đình.

Trần Quốc Toản dụi mắt, gạt tung cái chăn bông bọc vóc vàng và ngồi nhóm dậy. Nội điện im ắng lạ thường. Quan gia và các vương hầu đâu cả? Mẩu nến đỏ trên cây nến đồng đặt trên một cái đôn men xanh kê ở gian giữa, còn cháy leo lắt run rẩy trong ánh sáng buổi sớm đã tràn vào. Màn the lớn căng từ tường hoa ra tới gần cửa, nơi kê cái sập của Hoài Văn hầu, vẫn còn rủ xuống. Gian bên kia, màn the cũng buông kín. Nhưng các chăn vóc thì đều lật tung, để lộ những nệm gấm rải sát vào nhau trên những sập rồng kê liên lại. Những cột rồng, những câu đối, hoành phi, những bức

1. *Chuyện can qua*: Chiến tranh.

của võng lấp lánh son vàng. Hoài Văn như còn nghe văng vẳng tiếng nói chuyện của quan gia và các vương hầu, kéo dài mãi đến quá canh hai chưa dứt.

Ôn cửu trùng⁽¹⁾ mệnh mông như trời biển. Từ ngày Hoài Văn theo chú là Chiêu Thành vương về kinh, hai chú cháu được quan gia giữ ở lại trong cung cấm. Hầu được cùng ăn uống với quan gia và các vị vương hầu. Tối thì trải gối dài, chăn rộng, kê giường liên nằm chung, thật là bốn bề một nhà, không phân trên dưới. Ôn ấy, dù cho óc gan lầy đất, Hoài Văn phải nghĩ mà báo đáp. Khốn một nỗi, chàng cứ bị coi là một đứa trẻ con chưa ráo máu đầu. Mỗi khi Hoài Văn len vào góp chuyện thì các vương hầu nói:

- Cháu còn nhỏ, chưa biết được việc quân quốc trọng sự⁽²⁾.

Nể các vị chú bác, Hoài Văn đỏ mặt làm thình. Một hôm, Quốc Toản đánh liều thưa:

- Cháu còn ít tuổi thật. Nhưng ví bằng quân Nguyên sang cướp nước ta, thì cháu cũng xin theo các chú, các bác đi đánh giặc.

Các vị vương hầu cười ồ. Chú Chiêu Thành vương nói:

1. Ôn cửu trùng: Ôn vua.

2. Việc quân quốc trọng sự: Những việc quan trọng của quốc gia và quân đội.

- Cháu có khẩu khí anh hùng. Thế mới là dòng dõi họ Đông A⁽¹⁾. Nhưng bây giờ thì cháu phải học đã, sao cho văn hay, võ giỏi, rồi mới đi đánh giặc được.

Các vương hầu lại quay vào bàn việc nước, chẳng để ý đến Hoài Văn. Và sớm nay, quan gia và các vương hầu đột ngột đi đâu mà không cho hầu biết?

Nhìn nội điện vắng ngắt, Hoài Văn tức đến phát khóc. Chàng mở toang cánh cửa thâm nghiêm, nhẩy xuống thêm. Được rồi! Các vương hầu ở đâu, ta tìm đến đó. Việc nước là việc chung, không cho bàn, ta cũng cứ bàn. Thử xem gan ai to, gươm ai sắc. Xem ta có lấy được đầu tướng giặc hay không?

II

Đây là một thanh niên, không, đây là một thiếu niên thì đúng hơn, vì Hoài Văn chưa tròn mười sáu tuổi. Bộ áo vóc lưng thùng chưa bó sát vào tám thân mảnh khảnh. Tay áo chết theo kiểu nhà võ còn quá rộng so với cổ tay. Hầu vắn khảnh nhiều như người lớn. Nhưng búi tóc còn quá nhỏ, tinh ý mới nhìn thấy được. Những mớ tóc quá ngắn xum xòa sau gáy và hai bên má. Kể ra thì

1. Họ Đông A: Tức là họ Trần.

hầu là người chóng lớn, như tất cả con trai họ nhà Trần. Với thân hình dong dỏng cao, với khăn áo chỉnh tề, với thanh gươm lớn bên mình, với bước đi nhanh nhẹn, hiên ngang, Hoài Văn làm cho những người mới thoát nom thấy có thể ngỡ chàng là một bậc vương hầu đã từng xông pha trăm trận. Nhưng khi ngắm chàng tận mặt thì không ai nhầm được cả. Khuôn mặt trái xoan với đôi má phình phính còn bụ sữa. Nước da trắng mịn óng ánh những lông tơ. Môi dày đỏ chót. Đôi mắt to đen, lòng trắng xanh biếc, vừa trong sáng vừa mờ màng. Đôi lông mày chưa rậm viền cong cong trên mắt làm cho mặt chàng thêm vẻ thanh tú. Hầu xinh như một cô gái. Nhiều vương tôn công tử⁽¹⁾ mong ước được đẹp như Hoài Văn. Nhưng Hoài Văn không thích thứ đẹp ẻo lả ấy. Chàng muốn có cái uy phong quắc thước của Hưng Đạo vương, cái tài trí của Chiêu Minh vương, cái sức khỏe lẫm liệt của Bảo Nghĩa vương. Chàng muốn có xương đồng da sắt. Chàng muốn xông vào giữa muôn trùng giáo mác, chém tướng giặc cờ dễ như trở bàn tay.

Quốc Toản chạy như bắn qua bao nhiêu vườn, bao nhiêu hồ, bao nhiêu tòa giả sơn⁽²⁾, bao nhiêu lâu đài cung điện, hầu không biết nữa. Hầu chạy

1. Vương tôn công tử: Con cháu nhà sang.

2. Giả sơn: Núi giả trong các vườn hoa.

một mạch ra khỏi Tử cấm thành, tìm đến quán nghỉ của những người đi theo hầu, hỏi:

- Đức ông đã ra đây chưa?

Một người thưa:

- Đại vương có ra đây, nhưng rồi đi từ tỉnh mơ.

- Đức ông đi đâu?

- Bẩm, vương tử không biết thì chúng con biết làm sao được. Chỉ thấy đức ông kéo quân ra bến dò. Đức ông có dặn chúng con nói với vương tử phải về Võ Ninh ngay, kéo phu nhân ở nhà mong. Phu nhân cho đi một tháng, mà vương tử ở kinh thắm thoát đã hai tháng rồi.

Hoài Văn bậm môi vì tức giận. Chú đưa ta về kinh, nay lại bảo ta về một mình, là nghĩa thế nào? Hoài Văn nói:

- Ta viết một bức thư. Một người mang về trình bà, thưa với bà rằng ta chưa về định tỉnh thần hôn được⁽¹⁾. Ta còn phải đi gặp đức ông đã.

Giao thư cho một người mang đi xong, Hoài Văn nhảy phắt lên ngựa, cùng đám gia nhân phóng ra khỏi thành Thăng Long. Qua những câu chuyện nghe lỏm được trong cung, Quốc Toàn đoán là quan gia hạ giá⁽²⁾ tới bến Bình Than để bàn việc nước với các vương hầu ở khắp bốn

1. *Định tỉnh thần hôn*: Thăm hỏi sớm chiều, ý phụng thờ cha mẹ.

2. *Quan gia hạ giá*: Vua đi.

phương về. Hoài Văn vùng roi quát ngựa luôn tay, mình cúi rạp trên yên, miệng thét mọi người, phi nước đại...

III

Hoài Văn nằn nì thế nào quân Thánh Dực⁽¹⁾ cũng không cho chàng xuống bến. Hầu đứng trên bờ, thần thờ nhìn bến Bình Than. Hai cây đa cổ thụ rủ bóng râm mát che kín cả một khúc sông.

Dưới bến, những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư⁽²⁾, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mũi thuyền, phấp phới những lá cờ hiệu của các vương hầu. Hiệu cờ của Chiêu Minh vương, của Chiêu Quốc vương, của Chiêu Văn vương, của Hưng Đạo vương, của Chiêu Thành vương, chú ruột mình. Thuyền của các vị đại vương chức trọng quyền cao nhất của triều đình đều ở gần thuyền ngự. Thuyền ngự cao lớn hơn cả, chạm thành hình một con rồng lớn rực rỡ son vàng, hai bên mạn dàn bày cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng⁽³⁾ của đấng thiên tử⁽⁴⁾. Hết thuyền của các đại vương, là thuyền của các tước vương bậc

1. *Quân Thánh Dực*: Quân sĩ bảo vệ vua.

2. *Hội sư*: Gặp nhau để bàn việc quân.

3. *Đồ nghi trượng*: Các võ khí tiêu biểu của nhà vua.

4. *Thiên tử*: Ngày xưa gọi vua là con trời.

dưới, rồi đến thuyền của các tước hầu, cuối cùng là thuyền của các tướng sĩ đi hộ vệ. Mất Hoài Văn dăm dăm nhìn thuyền của Hưng Võ vương, Hưng Trí vương, Hưng Hiếu vương... Thì ra các con trai của Hưng Đạo vương đều đủ mặt. Những người em họ ấy, chẳng qua chỉ hơn Hoài Văn dăm, sáu tuổi! Cha ta mất sớm, nên ta mới phải đứng rìa nhục nhĩ thế này! Mất Hoài Văn gương to đến rách, nhìn những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.

Qua các cửa sổ có chấn song triện và rủ màn幔 hoa của thuyền rồng, Hoài Văn thấy các vương hầu đang ngồi bàn việc nước với quan gia. Hoài Văn chẳng biết các vị đang nói gì. Nhưng bàn gì thì bàn, Hoài Văn dám chắc cũng chẳng ngoài cái việc lớn là cho quân Nguyên mượn đường vào đánh Chiêm Thành hay chống cự lại mà thôi. Dã tâm⁽¹⁾ của quân giặc đã hai năm rõ mười rồi. Nó giả tiếng mượn đường, kỳ thực là để cướp sống lấy nước Nam. Chỉ có việc đánh, làm gì phải kéo ra tận đây mà bàn đi bàn lại? Chao ôi! Lúc này mà Hoài Văn được xuống thuyền rồng và được bàn việc nước! Chàng sẽ quỳ trước mặt quan gia, và xin quan gia cho đánh!

Thuyền rồng im lặng. Tàn tán, cờ quạt và các đồ nghi trượng in màu son vàng trên mặt nước sông trong vắt. Chốc chốc lại thấy những người

1. *Dã tâm*: Lòng ác như thú vật.

nội thị quỳ ở ngoài mui, dâng trầu cau, dâng trà, dâng thuốc. Hoài Văn muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến nhưng lại sợ tội chém đầu.

Chàng muốn thét to: Xin quan gia cho đánh, nhưng lại e phạm thượng⁽¹⁾!

Mấy tháng ở kinh, thấy sứ Nguyên hạch sách đủ điều, Hoài Văn chỉ có một ý nghĩ là đánh, đánh để giữ lấy quốc thể⁽²⁾. Rồi lại đến cái ngày quan gia mời các bô lão khắp bàn dân thiên hạ về kinh để nhà vua hỏi ý dân xem nên cho giặc mượn đường hay nên đánh lại. Các bô lão là những người quê mùa, chất phác, chưa bao giờ được bước chân vào nơi lầu son, gác tía, chưa bao giờ được bàn việc nước, thế mà nghe quan gia hỏi, họ đều nắm tay, gân mặt, khảng khái tâu lên: Xin đánh, trăm miệng một lời, làm rung chuyển cả một toà điện Diên Hồng. Những người áo vải ấy còn biết đường phải trái, hướng chi ta là bậc tôn thất⁽³⁾ há lại không nghĩ được như họ hay sao? Đến họ mà quan gia còn hỏi kè, sao ta là người gần gũi, quan gia chẳng hỏi một lời?

Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mất

1. Phạm thượng: Phạm tội đối với bề trên.

2. Quốc thể: Thể thống, danh dự một nước.

3. Tôn thất: Họ nhà vua.

hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toàn tốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại:

- Không buông ra, ta chém!

Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nề chàng là một vương hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá, viên tướng nói:

- Quân pháp vô thân⁽¹⁾, hầu không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng lệnh⁽²⁾.

Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:

- Ta xuống xin bệ kiến quan gia⁽³⁾, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!

Viên tướng tái mặt, hô quân sĩ vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toàn vung gươm múa tít, không

1. *Quân pháp vô thân*: Phép nước, phép vua không nề người thân.

2. *Thượng lệnh*: Lệnh của bề trên.

3. *Bệ kiến quan gia*: Xin gặp nhà vua.

ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.

Vừa lúc ấy thì cuộc họp bàn ở dưới thuyền rồng tạm nghỉ. Vua Thiệu Bảo⁽¹⁾ và nhiều vị vương hầu ra ngoài mui, ngắm cảnh sông nước. Nghe tiếng ồn ào trên bến, vua và các vương hầu nhìn lên, thấy Hoài Văn đang giằng co với một đám quân Thánh Dực. Vua hỏi:

- Cái gì trên ấy?

Quốc Toàn nhìn xuống bến, thấy vua Thiệu Bảo đứng tựa đầu rồng dưới một cái tàn vàng. Nhà vua còn rất trẻ, mặt đỏ như gấc chín. Đứng sau vua là Hưng Đạo vương cao lớn, chòm râu dài lốm đốm bạc bay theo chiều gió. Chiêu Thành vương lật đật chạy lên bờ, hỏi cháu:

- Cháu không sợ tội chết hay sao mà đến đây? Ai bảo cháu?

Hoài Văn thưa:

- Cháu nghe tin thiên tử họp với các vương hầu ở đây nên cháu đến.

- Cháu chưa đến tuổi dự bàn việc nước. Bên trong là tình họ hàng máu mủ, xuề xòa, thân mật với nhau thế nào cũng được. Nhưng ra ngoài là việc nước, có tôn ti, có phép tắc, không thể coi thường. Cháu tự tiện đến đây đã là không phải, lại gây sự với quân Thánh Dực, đấy là tội chết. Chú cũng phải vạ lây. Sao cháu không nghe lời

1. Vua Thiệu Bảo: Tức là Trần Nhân Tông.

chú, về quê thờ mẹ, mà lại tự tiện vô cớ đến đây gây ra cái vạ tày trời này?

Hoài Văn cúi đầu thưa:

- Cháu biết là mang tội lớn. Nhưng cháu trộm nghĩ rằng khi quốc biến⁽¹⁾ thì đến đứa trẻ cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn. Cháu chưa đến tuổi dự bàn việc nước, nhưng cháu có phải là giống cỏ cây đâu mà ngồi yên được? Vua lo thì kẻ thần tử⁽²⁾ cũng phải lo. Cha cháu mất sớm, cháu được chú nuôi nấng. Chú thường dạy cháu những điều trung nghĩa, cháu vẫn ghi trong tác dạ. Cháu liệu chết đến đây, chỉ muốn góp một vài lời. Thưa chú, chẳng hay quan gia cùng các vương hầu bàn định thế nào? Cho nó mượn đường hay đánh lại.

- Việc đó còn đang bàn. Có người chủ chiến. Có người chủ hòa...

Quốc Toản đứng phắt dậy, mắt long lên:

- Ai chủ hòa? Ai chủ hòa? Cho nó mượn đường ư? Không biết đấy là kế giả đồ diệt Quắc⁽³⁾ của nó đấy sao? Dâng giang sơn gấm vóc này cho giặc hay sao mà lại bàn thế?

Quốc Toản chạy xông xộc xuống bến, quỳ xuống tâu vua, tiếng nói như thét:

1. *Quốc biến*: Nước gặp cơn nguy.

2. *Thần tử*: Phận bề tôi con cái.

3. *Giả đồ diệt Quắc*: Giả tiếng mượn đường để diệt nước Quắc.

- Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước.

Nói xong, Hoài Văn run bắn, tự đặt thanh gươm lên gáy, và xin chịu tội. Thiệu Bảo gật đầu, mỉm cười nhìn Hưng Đạo vương và Hưng Đạo vương cũng gật đầu. Lời nói của Hoài Văn chính hợp với ý của nhà vua và Hưng Đạo. Nhưng trong đám vương hầu, có một người sầm nét mặt. Đây là Chiêu Quốc vương Ích Tắc. Ích Tắc là kẻ chủ hoà. Chiêu Quốc vương nói:

- Hoài Văn hầu làm loạn phép nước. Muốn trị nước phải trị người thân trước đã. Cúi xin quan gia cho chém đầu để nghiêm quân lệnh!

Hoài Văn cúi rạp đầu xuống đất. Bên cạnh Hoài Văn, Chiêu Thành vương cũng quỳ để xin chịu tội. Thiệu Bảo ôn tồn nói:

- Hoài Văn hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, cho nước, chí ấy đáng trọng.

Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp:

- Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn hầu nên về quê để phu nhân có người sớm hôm trông cậy. Đế vương lấy hiếu trị thiên hạ, em ta không nên sao nhãng phận làm con.

Vừa lúc ấy, một người nội thị bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chín mọng trên mâm, bảo một nội thị đưa xuống cho Hoài Văn. Vua nói:

- Tất cả các vương hầu đến đây đều có phần cam. Chẳng có lẽ Hoài Văn lại không được hưởng. Vậy thưởng cho em ta một quả.

Hoài Văn đỡ lấy quả cam, tạ ơn vua, lùi thủi bước lên bờ. Đằng sau có tiếng cười của Thiệu Bảo và các vương hầu. Nghe rõ cả tiếng cười của mấy vị tước vương chỉ nhỉnh hơn mình vài tuổi. Vua ban cam quý, nhưng việc dự bàn thì vẫn không cho. Hoài Văn tức, vừa hờn vừa tủi. Uất nhất là đám quân Thánh Dực cũng khúc khích cười chế nhạo. Hoài Văn quắc mắt, nắm chặt bàn tay lại. Được rồi! Ta sẽ chiêu binh mãi mã, cầm quân đi đánh giặc. Xem cái thằng phải đứng ngoài rìa này có phải là một kẻ toi cơm không. Hai hàm răng Hoài Văn nghiến chặt. Hai bàn tay càng nắm chặt lại, như để nghiền nát một cái gì. Hai bàn tay rung lên vì giận dữ. Hoài Văn lẩm bẩm: Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua, xem ai hơn, ai kém. Rồi triều đình sẽ biết tay ta. Hai nắm tay Hoài Văn càng bóp mạnh.

Đám người nhà trông thấy Hoài Văn hầm hầm trở ra thì chạy ủa tới hỏi chuyện. Để đỡ ngượng với họ, Hoài Văn nói liêu:

- Ta đã tâu với quan gia cho đánh. Quan gia ban cho ta quả cam này. Ôn vua lộc nước, ta đem về để biếu mẫu thân.

Trần Quốc Toản xòe bàn tay phải ra. Quả cam đã nát bét, chỉ còn tro bã.

Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

Tác giả: Nguyễn Huy Tưởng